

SỐ 475

KINH DUY-MA

(KINH DUY-MA-CẬT SỞ THUYẾT)

Hán dịch: Đời Hậu Tần, Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập, người nước Quy Tư.

1. Tịnh độ.

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Thế Tôn ở tại thành Tỳ-da-ly, trong lâm viên Yêm-ma-la, cùng với chúng đại Tỳ-kheo tám ngàn vị, chúng Đại Bồ-tát ba mươi hai ngàn vị. Chúng Đại Bồ-tát là những vị mà ai cũng biết, bản hạnh của đại trí đã hoàn thành cả, thường được uy đức của chư Phật xây dựng, làm thành trì mà tiếp nhận, giữ gìn chánh pháp, hùng biện như tiếng sấm, uy danh vang động khắp cả mười phương, mọi người không mời, vẫn đến làm bạn để đem lại yên vui cho họ, tiếp nối dòng giống Tam bảo, làm cho không bị tuyệt diệt, chiến thắng ma vương oán thù, chế ngự các phái ngoại đạo, đã được trong sạch, vĩnh viễn diệt hết những thứ ngăn che và ràng buộc, tâm trí thường xuyên sống trong giải thoát vô ngại, niệm Tổng trì, định Tổng trì và tài hùng biện đều không cùng tận, Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ, cùng với phương tiện, lực, không phẩm chất nào mà không đầy đủ, đạt đến pháp Nhẫn vô sinh vốn không thủ đắc gì cả, đã thuận theo và chuyển đẩy bánh xe chánh pháp không còn thoái lui, khéo biết thật tướng của các pháp và trình độ nơi chúng sinh, trù lên trên các chúng mà không có gì e sợ, tu sửa tâm tánh bằng công đức và trí tuệ, trang sức thân thể bằng tướng tốt và vẻ đẹp nên hình dáng bậc nhất, xả bỏ mọi sự trang điểm, làm đẹp của thế gian, danh tiếng cao cả, quá hơn núi Tu-di, đức tin sâu xa, kiên cố như đá kim cương, chánh pháp soi khắp mà mưa xuống nước ngọt cam lộ, lời tiếng nhiệm mầu bậc nhất trong mọi thứ lời tiếng, nhập sâu nơi duyên khởi, không còn cả thói quen về nhị biên có không, thuyết pháp thì không sợ, tựa như sấm sập lên, pháp được thuyết ra thì tựa như sấm sét, không thể ước lượng và vượt quá ước lượng, quy tụ vàng ngọc của chánh pháp tựa như thuyền trưởng nơi biển cả, thấu triệt nghĩa lý sâu xa, nhiệm mầu của các pháp, khéo biết khuynh hướng và kiến thức của muôn loài, gần được tuệ giác tự tại, mười Năng lực, bốn Vô úy và mười tám pháp Bất cộng của Phật, tất cả toàn là những phẩm chất không gì có thể so sánh, đóng bít tất cả cửa ngõ của các nẻo đường ác, sinh trong năm đường mà biểu hiện thân hình của năm đường ấy, là vị thầy thuốc vĩ đại, khéo chữa mọi bệnh, tùy bệnh cho thuốc, khiến được bình phục, tạo thành vô lượng công đức, làm sạch vô biên thế giới, ai thấy ai nghe đều được lợi ích, việc làm không gì là không hiệu quả. Tất cả phẩm chất như vậy, chúng Đại Bồ-tát ấy đều có đủ cả. Danh hiệu các vị là Bồ-tát Đẳng Quan, Bồ-tát Bất Đẳng Quan, Bồ-tát Đẳng Bất Đẳng Quan, Bồ-tát

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Định Tự Tại Vương, Bồ-tát Pháp Tự Tại Vương, Bồ-tát Pháp Tướng, Bồ-tát Quang Tướng, Bồ-tát Quang Nghiêm, Bồ-tát Đại Nghiêm, Bồ-tát Bảo Tích, Bồ-tát Biện Tích, Bồ-tát Bảo Thủ, Bồ-tát Bảo Ấn Thủ, Bồ-tát Thường Cử Thủ, Bồ-tát Thường Hạ Thủ, Bồ-tát Thường Thâm, Bồ-tát Hỷ Căn, Bồ-tát Hỷ Vương, Bồ-tát Biện Âm, Bồ-tát Hư Không Tạng, Bồ-tát Chấp Bảo Cự, Bồ-tát Bảo Dũng, Bồ-tát Bảo Kiến, Bồ-tát Đế Võng, Bồ-tát Minh Võng, Bồ-tát Vô Duyên Quán, Bồ-tát Tuệ Tích, Bồ-tát Bảo Thắng, Bồ-tát Thiên Vương, Bồ-tát Hoại Ma, Bồ-tát Điện Đức, Bồ-tát Tự Tại Vương, Bồ-tát Công Đức Tướng Nghiêm, Bồ-tát Sư Tử Hống, Bồ-tát Lô Âm, Bồ-tát Sơn Tướng Kịch Âm, Bồ-tát Hương Tượng, Bồ-tát Bạch Hương Tượng, Bồ-tát Thường Tinh tấn, Bồ-tát Bất Hư Tức, Bồ-tát Diệu Sinh, Bồ-tát Hoa Nghiêm, Bồ-tát Quan Thế Âm, Bồ-tát Đắc Đại Thế, Bồ-tát Phạm Võng, Bồ-tát Bảo Trượng, Bồ-tát Vô Thắng, Bồ-tát Nghiêm Độ, Bồ-tát Kim Kế, Bồ-tát Chân Kế, Bồ-tát Di-lặc, Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi, đồng đẳng như vậy có ba mươi hai ngàn vị.

Lại có mười ngàn Phạm vương, như Phạm vương Thi-khí..., từ những bốn đại lục khác đến chỗ Đức Thế Tôn để nghe pháp. Có một vạn hai ngàn Thiên đế cũng đến từ những bốn đại lục khác và tám bộ có oai lực lớn, cùng đến ngồi trong pháp hội. Đến ngồi trong pháp hội còn có bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Lúc này, Đức Thế Tôn thuyết pháp cho các chúng vô số trăm ngàn như vậy, đều cung kính bao quanh Ngài, trông như núi Tu-di nổi bật giữa biển cả. Ngài ngồi trên pháp tòa Sư tử tạo bằng các thứ ngọc, làm mờ các chúng đã đến ở đây.

Bấy giờ, trong thành Tỳ-da-ly có trưởng giả tử tên là Bảo Tích, cùng với năm trăm trưởng giả tử khác cầm những chiếc lọng làm bằng bảy chất liệu quý báu, đi đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt lạy ngang chân Ngài. Rồi ai cũng đem lọng của mình hiến lên Đức Thế Tôn. Do sức mạnh nơi tâm trí của Đức Thế Tôn khiến cho những chiếc lọng ấy hợp lại làm một cái, che khắp cả đại thiên thế giới. Cả thế giới vừa rộng vừa dài này hiện ra trong lọng ấy. Những núi Tu-di, núi Tuyết, núi Mục-chân-lân-đà, núi Mục-chân-lân-đà lớn, núi Thơm, núi Ngọc, núi Vàng, núi Đen, núi Sắt bao quanh, núi Sắt bao quanh lớn, biển cả, sông ngòi, dòng thác, suối nguồn, thái dương, nguyệt cầu, tinh tú, Thiên cung, long cung, cung điện của các thần, đều hiện ra trong lọng ngọc. Tất cả mười phương, các vị Thế Tôn, các vị Thế Tôn thuyết pháp cũng hiện ra trong lọng ngọc. Toàn thể các chúng nhìn thấy sức mạnh nơi tâm trí của Đức Thế Tôn thì tán dương là hiếm có, chắp tay lạy Ngài, nhìn Ngài, mắt không rời. Bấy giờ, trưởng giả tử Bảo Tích đối trước Đức Thế Tôn, dùng kệ tụng tán dương Ngài:

*Mắt trong dài rộng
Như cánh hoa sen
Tâm sạch vượt qua
Tất cả thiên định.
Từ lâu đồn chứa
Vô lượng nghiệp tịnh
Dẫn dắt chúng sinh
Bằng sự Niết-bàn.
Thế nên con xin
Kính lạy Thế Tôn
Chúng con đã được
Nhìn thấy sức thần.*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Của Đức Thế Tôn
Làm cho hiện lên
Vô lượng quốc độ
Trong đó ngay như.
Các vị Thế Tôn
Đang thuyết chánh pháp
Chúng con cũng được
Thấy nghe tất cả.
Pháp lực Pháp vương
Siêu việt quần sinh
Thường cho chúng sinh
Cả pháp và của.
Lại khéo phân biệt
Thật tướng các pháp
Với Đệ nhất nghĩa
Cũng không xao động.
Đối với các pháp
Ngài đã tự tại
Con xin kính lạy
Đức Vua chánh pháp.
Thế Tôn thuyết pháp
Siêu việt có không
Hễ có nhân duyên
Thì có các pháp.
Không có bản ngã
Không có tác giả
Không có đến cả
Chủ thể hưởng chịu.
Nhưng nghiệp thiện ác
Vẫn không hề mất
Khởi đầu ở dưới
Gốc cây Bồ-đề.
Ngài đã chiến thắng
Đạo quân ma vương
Thực hiện Niết-bàn
Thành tựu Chánh giác.
Không còn tâm ý
Không còn thọ tưởng
Thế mà Ngài vẫn
Chiến thắng ngoại đạo.
Ngài đã ba lần
Chuyển đẩy pháp luân
Khắp cả toàn thể
Thế giới đại thiên.
Pháp luân như vậy

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Vốn thường thanh tịnh
Chứng có trời người
Ai cũng đắc đạo.
Ba ngôi Vô thượng
Xuất hiện thế giới
Đem pháp diệu này
Cứu vớt quần sinh.
Những ai một lần
Tiếp nhận pháp ấy
Cũng không bao giờ
Còn bị thoái chuyển.
Mà là thường xuyên
Thể hiện vắng lặng
Như thế Thế Tôn
Là đại y vương.
Cứu vớt chúng sinh
Vượt qua già chết
Con lạy Biển pháp
Công đức vô biên.
Y như núi lớn
Chê khen không động
Từ bi thương hết
Người thiện kẻ ác.
Tâm Ngài bình đẳng
Tựa như không gian
Ai nghe về đấng
Quý nhất loài người.
Mà không tôn kính
Và không phụng sự
Con hiến Thế Tôn
Chiếc lọng tầm thường.
Vậy mà trong đó
Hiện lên đủ cả
Đại thiên thế giới
Thiên cung, Long cung.
Cùng với cung điện
Của cả tám bộ
Lại hiện toàn thể
Vũ trụ vạn hữu.
Đấng mười Năng lực
Từ bi biểu hiện
Đến như thế ấy
Làm cho các chúng.
Thấy sự hiếm có
Ai cũng tán dương

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Con xin lạy Đấng
Cao nhất ba cõi.
Pháp vương rất thánh
Ai cũng quy ngưỡng
Lắng lòng nhìn Ngài
Ai cũng hoan hỷ.
Ai cũng thấy Ngài
Ở trước mặt mình
Đó là sức thần
Đặc biệt của Ngài.
Dùng một âm thanh
Ngài thuyết chánh pháp
Chúng sinh các loài
Ai cũng hiểu cả.
Ai cũng bảo rằng
Ngài nói như mình
Đó là sức thần
Đặc biệt của Ngài.
Âm thanh duy nhất
Thuyết pháp duy nhất
Chúng sinh các loài
Ai cũng hiểu cả.
Tiếp nhận khác nhau
Ích lợi cũng khác
Đó là sức thần
Đặc biệt của Ngài.
Ngài thuyết chánh pháp
Bằng một âm thanh
Mà người lo sợ
Người lại vui mừng.
Người sinh chán bỏ
Người hết hoài nghi
Đó là sức thần
Đặc biệt của Ngài.
Con xin kính lạy
Đấng mười Năng lực
Cực kỳ tinh tấn
Con xin kính lạy.
Đấng đã hoàn thiện
Sự không e sợ
Con xin kính lạy
Đấng đã đủ cả.
Phẩm chất đặc biệt
Con xin kính lạy
Đấng Đại Đạo Sư*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Của cả mọi người.
Con xin kính lạy
Đấng đã diệt trừ
Kết thất ràng buộc
Con xin kính lạy.
Đấng đã đạt đến
Bờ bến bên kia
Con xin kính lạy
Đấng đã vượt qua.
Toàn thể thế gian
Con xin kính lạy
Đấng đã rời hẳn
Nẻo đường sống chết.
Trạng huống qua lại
Của các chúng sinh
Ngài rõ tất cả
Ngài đã khéo léo.
Thể hiện giải thoát
Đối với các pháp
Ngài như hoa sen
Không dính việc đời.
Ngài khéo nhập vào
Cái hạnh rộng lặng
Ngài khéo thấu triệt
Thật tướng các pháp.
Không còn chướng ngại
Con xin kính lạy
Đấng như hư không
Không dựa đâu cả.*

Trưởng giả tử Bảo Tích nói kệ tụng ấy rồi, lại thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Năm trăm trưởng giả tử đi với con đây đều đã phát tâm Bồ-đề vô thượng, ước muốn được nghe về sự thực hiện tịnh độ. Kính xin Đức Thế Tôn nói cho chúng con về việc làm để thực hiện tịnh độ của các vị Bồ-tát.

Đức Thế Tôn nói:

–Tốt lắm, Bảo Tích! Ông có thể vì các vị Bồ-tát mà hỏi Như Lai về việc làm để thực hiện tịnh độ. Ông hãy nghe cho kỹ, hãy khéo nghĩ nhớ. Như Lai sẽ nói cho ông.

Bảo Tích và năm trăm trưởng giả tử vâng lời mà nghe.

Đức Thế Tôn nói:

–Này Bảo Tích! Chúng sinh là tịnh độ của Bồ-tát. Tại sao? Vì Bồ-tát tùy chúng sinh được giáo hóa mà lấy tịnh độ, tùy chúng sinh được thuần hóa mà lấy tịnh độ, tùy chúng sinh đáng do tịnh độ nào mới nhập tuệ giác của Phật mà lấy tịnh độ ấy, tùy chúng sinh nên do tịnh độ nào mới mọc lên gốc rễ Bồ-tát mà lấy tịnh độ ấy. Sự thể vì Bồ-tát lấy tịnh độ toàn là để đem lại lợi ích cho chúng sinh. Như có người muốn xây dựng lầu đài trên chỗ đất trống thì tùy ý vô ngại. Nếu ở trong hư không thì không bao giờ thành tựu gì cả. Bồ-tát cũng vậy, vì tạo mọi thành tựu cho chúng sinh mà nguyện lấy tịnh độ:

nguyện lấy tịnh độ không phải ở trong không.

Bảo Tích! Tâm ngay thẳng là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Chánh giác thì chúng sinh không dua nịnh vãng sinh nơi tịnh độ của Bồ-tát. Tâm sâu xa là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Chánh giác thì chúng sinh gồm đủ công đức vãng sinh nơi tịnh độ của Bồ-tát. Tâm Bồ-đề là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Chánh giác thì chúng sinh theo Đại thừa vãng sinh nơi tịnh độ của Bồ-tát. Bồ thí là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Chánh giác thì chúng sinh có thể bỏ, cho tất cả vãng sinh nơi tịnh độ của Bồ-tát. Giữ giới là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Chánh giác thì chúng sinh làm theo mười nghiệp thiện vãng sinh nơi tịnh độ của Bồ-tát. Nhẫn nhục là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Chánh giác thì chúng sinh với ba mươi hai tướng trang nghiêm vãng sinh nơi tịnh độ của Bồ-tát. Tinh tấn là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Chánh giác thì chúng sinh siêng tu tất cả công đức vãng sinh nơi tịnh độ của Bồ-tát. Thiển định là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Chánh giác thì chúng sinh tâm không loạn động vãng sinh nơi tịnh độ của Bồ-tát. Trí tuệ là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Chánh giác thì chúng sinh thuộc loại chánh định vãng sinh nơi tịnh độ của Bồ-tát. Bốn Tâm vô lượng là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Chánh giác thì chúng sinh Từ, Bi, Hỷ, Xả vãng sinh nơi tịnh độ của Bồ-tát. Bốn pháp nhiếp hóa là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Chánh giác thì chúng sinh thuộc về giải thoát vãng sinh nơi tịnh độ của Bồ-tát. Phương tiện là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Chánh giác thì chúng sinh đạt phương tiện vô ngại đối với các pháp vãng sinh nơi tịnh độ của Bồ-tát. Ba mươi bảy Bồ-đề phần là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Chánh giác thì những chúng sinh có Niệm xứ, có Chánh cần, có Thần túc, có Căn, có Lực, có Tuệ giác và có đường chánh vãng sinh nơi tịnh độ của Bồ-tát. Tâm hồi hướng là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Chánh giác thì được tịnh độ hoàn hảo với tất cả phẩm chất tốt đẹp. Khéo nói để trừ khử tám tai nạn là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Chánh giác thì được tịnh độ không có ba đường ác, tám tai nạn. Tự giữ giới hạnh mà không chê lỗi người là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Chánh giác thì tịnh độ không có danh từ phạm giới. Mười nghiệp thiện là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Chánh giác thì chúng sinh không chết yểu, rất giàu có, đủ phạm hạnh, nói chắc thật, nói hòa nhã, nói hóa giải, nói hữu ích, không ganh ghét, không giận dữ và thấy chính xác vãng sinh nơi tịnh độ của Bồ-tát. Bảo Tích! Đại loại như vậy, Bồ-tát tùy tâm ngay thẳng mà phát khởi việc làm, tùy chỗ phát khởi việc làm mà được tâm sâu xa, tùy tâm sâu xa mà ý thức được thuần hóa, tùy ý thức được thuần hóa mà làm đúng như nói, tùy làm đúng như nói mà hồi hướng, tùy hồi hướng mà có phương tiện, tùy phương tiện mà tác thành cho chúng sinh, tùy chỗ tác thành cho chúng sinh mà quốc độ thanh tịnh, tùy quốc độ thanh tịnh mà thuyết pháp thanh tịnh, tùy thuyết pháp thanh tịnh mà tuệ giác thanh tịnh, tùy tuệ giác thanh tịnh mà tâm thanh tịnh, tùy tâm thanh tịnh mà công đức thanh tịnh. Do vậy, Bảo Tích! Bồ-tát muốn được tịnh độ thì phải tịnh tâm, tâm tịnh thì độ tịnh.

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất, vâng theo sức mạnh nơi tâm trí của Đức Thế Tôn mà nghĩ: “Nếu Bồ-tát tâm tịnh thì độ tịnh, vậy Đức Thế Tôn của chúng ta đây khi làm Bồ-tát, tâm ý hẳn là dơ bẩn chẳng, tại sao quốc độ này như bản đến như thế?”

Đức Thế Tôn biết ý nghĩ ấy, nên bảo:

– Ý Tôn giả nghĩ thế nào? Mặt trời mặt trăng kia như bản chẳng, tại sao người mù không thấy?

Tôn giả thưa:

–Không phải, bạch Thế Tôn! Sự thể này là lỗi ở người mù, không phải ở mặt trời mặt trăng.

–Này Xá-lợi-phất! Vì chúng sinh tội lỗi nên không thấy quốc độ của Như Lai trang nghiêm thanh tịnh. Điều đó không phải là lỗi của Như Lai. Này Xá-lợi-phất! Quốc độ của Như Lai thanh tịnh mà Tôn giả không thấy.

Khi đó, Phạm vương Loa Kế bạch với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Xin Tôn giả đừng có ý nghĩ ấy, rằng quốc độ này là nhơ bẩn. Tại sao? Vì chính con thấy quốc độ của Đức Thế Tôn Thích-ca thanh tịnh như là Thiên cung Tự tại.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Còn tôi thì thấy quốc độ này bao nhiêu là gò đồng, hầm hố, gai góc, cát sỏi, núi đồi, đất đá, nhơ bẩn tràn trề.

Phạm vương Loa Kế bạch:

–Vì tâm của Tôn giả có cao có thấp, lại không dựa vào tuệ giác của Phật, mới thấy quốc độ này dơ bẩn. Tôn giả Xá-lợi-phất! Bồ-tát đối với chúng sinh toàn là bình đẳng, trong chỗ sâu xa của tâm trí đã là thanh tịnh, lại dựa vào tuệ giác của Phật, thì quốc độ này thanh tịnh.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn lấy ngón chân ấn xuống đất, tức thì cả đại thiên thế giới có bao nhiêu trăm ngàn châu ngọc trang trí, y như quốc độ Bảo trang nghiêm của Đức Như Lai Bảo Trang Nghiêm. Toàn thể đại chúng tán dương là sự chưa từng có và ai cũng tự thấy ngồi trên hoa sen ngọc.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Tôn giả hãy nhìn sự thanh tịnh của quốc độ này.

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

–Dạ vâng, bạch Thế Tôn! Thật con chưa từng thấy, cũng chưa từng nghe. Quốc độ này hiện ra toàn là thanh tịnh.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Quốc độ của Như Lai cũng thanh tịnh đến như vậy, nhưng vì hóa độ những kẻ thấp kém nên hiện ra dơ bẩn. Sự thể cũng như chư Thiên cùng ăn bát ngọc, nhưng tùy phước của mỗi người mà thấy màu cơm khác nhau. Ấy vậy, Xá-lợi-phất, hễ ai tâm tịnh thì thấy quốc độ này đủ thứ trang nghiêm.

Khi Đức Thế Tôn thị hiện sự trang nghiêm của quốc độ này thì năm trăm trưởng giả tử đi với Bảo Tích đều được pháp Nhẫn vô sinh, tám mươi bốn ngàn người phát tâm Bồ-đề vô thượng. Đức Thế Tôn thu thần túc, quốc độ này trở lại như cũ, thì ba mươi hai ngàn trời với người cầu Thanh văn thừa, biết các pháp hữu vi toàn là vô thường, xa lìa mọi trần cấu, Pháp nhãn trong sáng, tám ngàn Tỳ-kheo không còn tham vướng nơi các pháp, phiền não hết sạch, tâm ý giải tỏa.

2. Phương tiện.

Bấy giờ, trong thành lớn Tỳ-da-ly có trưởng giả tên là Duy-ma, đã từng hiến cúng vô lượng chư Phật, trồng sâu gốc lành, được pháp Nhẫn vô sinh, hùng biện vô ngại, thần thông diệu dụng, được các Tổng trì, được sự không sợ, chiến thắng ma vương thù oán, nhập vào pháp môn sâu xa, khéo léo về Trí độ, tinh thông phương tiện, đại nguyện thành tựu, biết rõ khuynh hướng của tâm trí chúng sinh, phân biệt các căn lanh chậm, đối với Phật đạo thì tâm đã thuần thực và quyết định nơi pháp Đại thừa, mọi việc làm đều khéo lượng định, cử động theo cử động của Phật, tâm như biển cả, được chư Phật tán dương, đệ tử của Ngài là Phạm vương, Đế Thích, những vị Hộ thế đều kính trọng cả.

Vì muốn hóa độ mọi người, Trưởng giả Duy-ma sử dụng phương tiện khéo léo mà cư trú trong thành Tỳ-da-ly, với tư thế thu phục những người nghèo nàn bằng tài sản vô lượng, thu phục những người phạm giới bằng giới hạnh thanh tịnh, thu phục những người giận dữ bằng nhẫn nhục thuận hòa, thu phục những người biếng nhác bằng tinh tấn vĩ đại, thu phục những người loạn tâm bằng thiền định nhất tâm, thu phục những người vô trí bằng trí tuệ quyết định. Làm người bạch y mà lại kính giữ giới hạnh thanh tịnh của bậc Sa-môn, ở trong gia đình mà không vướng mắc nơi ba cõi, thị hiện có vợ con mà thường tu phạm hạnh, thị hiện có bà con mà thường thích xa rời, dùng phục sức đẹp mà trang nghiêm thân thể bằng các tướng hảo, ăn uống mà lấy sự vui thích thiền định làm mùi vị, đến chỗ cờ bạc là chỉ để hóa độ cho người, tiếp nhận dị giáo mà không làm thương tổn chánh tín, biết rành sách đời mà thường thích pháp Phật, ai cũng kính trọng mà làm bậc cao nhất trong sự hiến cúng, chấp hành chánh pháp mà thu phục lớn nhỏ, mọi sự mưu sinh tuy được lợi lộc mà không lấy làm mừng, đến các ngã tư để tạo mọi ích lợi cho người, tham gia việc nước để che chở tất cả, vào chỗ diễn thuyết và hội thảo thì hướng dẫn bằng Đại thừa, vào các học đường thì mở mang tuổi trẻ, vào các ổ điểm để nói lên tội lỗi của dân dục, vào các quán rượu để làm cho người tỉnh trí. Ở trong thành phần trưởng giả thì làm trưởng giả cao quý để nói cho họ về chánh pháp thù thắng, ở trong thành phần cư sĩ thì làm cư sĩ cao quý để cắt đứt sự tham đắm cho họ, ở trong thành phần Sát-lợi thì làm Sát-lợi cao quý để dạy sự nhẫn nhục cho họ, ở trong thành phần Bà-la-môn thì làm Bà-la-môn cao quý để dứt trừ sự ngạo mạn của họ, ở trong thành phần đại thần thì làm đại thần cao quý để dạy chánh pháp cho họ, ở trong thành phần vương tử thì làm vương tử cao quý để dạy sự trung hiếu cho họ, ở trong thành phần nội quan thì làm nội quan cao quý để dạy sửa cho cung nữ, ở trong thành phần dân chúng thì làm người dân cao quý để khiến cho dân chúng tạo phước, ở trong thành phần Phạm thiên thì làm Phạm thiên cao quý để dạy tuệ giác siêu việt cho họ, ở trong thành phần Đế Thích thì làm Đế Thích cao quý để chỉ dạy sự vô thường, ở trong thành phần Hộ thế thì làm Hộ thế cao quý để hộ trì chúng sinh.

Trưởng giả Duy-ma đem bao nhiêu phương tiện như vậy mà tạo lợi ích cho mọi người. Lại còn dùng phương tiện thị hiện thân thể bị bệnh. Vì trưởng giả bị bệnh nên quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn..., các vương tử cùng với những quan chức liên hệ, nhiều ngàn người đến thăm bệnh. Ai đến thăm, Trưởng giả Duy-ma cũng nhân nơi thân bệnh mà thuyết pháp:

–Các Nhân giả! Thân này là không thường, không mạnh, không sức, không chắc, là vật chóng suy yếu, không thể tin được. Là đau khổ, là buồn bực, là nơi mọi bệnh tập hợp, các Nhân giả, cái thân như vậy người sáng suốt đừng có tin cậy. Thân này như đồng bọt, không thể nắm nắm; thân này như bong bóng, không thể còn lâu; thân này như sóng nắng, sinh từ khát ái; thân này như cây chuối, ruột không có chắc; thân này như ảo thuật, sinh từ điên đảo; thân này như chiêm bao, hư vọng thấy ra; thân này như hình ảnh, hiện từ nghiệp lực; thân này như tiếng vang, thuộc các nhân duyên; thân này như mây nổi, chốc lát tan mất; thân này như điện chớp, một thoáng không ngừng. Thân này không có chủ thể nên như đất, thân này không có tự ngã nên như lửa, thân này không có sinh mệnh nên như gió, thân này không có tái sinh nên như nước. Thân này không thật, bốn đại làm nhà; thân này trống rỗng, không ngã, ngã sở; thân này vô tri, như cỏ cây ngói đá; thân này không có tạo tác, chỉ như sức gió chuyển động; thân này bất tịnh, dơ bẩn đầy dẫy; thân này đối trá, dấu nhờ tắm rửa ăn mặc cũng chắc chắn bị hoại diệt;

thân này là tai họa vì đủ cả một trăm lẻ một bệnh khổ; thân này như giếng gò, vì bị già yếu thúc bách; thân này không cố định, thế nào cũng chết; thân này như rắn độc, như giặc thù, như xóm vắng vì do ấm xứ giới hợp thành.

Các Nhân giả! Thân này đáng chán, nên thích thân Phật. Vì thân Phật là Pháp thân, sinh từ vô lượng công đức trí tuệ, từ giới định tuệ giải thoát và giải thoát tri kiến, Từ, Bi, Hỷ, Xả, từ các pháp Ba-la-mật là Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ; sinh từ phương tiện, từ sáu Thông, từ ba Minh, từ ba mươi bảy Bồ-đề phần, từ Chỉ và Quán; sinh từ mười Lực, bốn Vô úy, mười tám Bất cộng; sinh từ sự đoạn trừ tất cả điều ác mà tập hợp tất cả điều thiện, từ sự chân thật, sự bất phóng dật: từ vô lượng pháp thanh tịnh như vậy mà sinh thân Phật. Các Nhân giả! Muốn được thân Phật, khỏi mọi bệnh tật của chúng sinh, thì phải phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Cứ như vậy, Trưởng giả Duy-ma đã nói pháp thích hợp cho những người đến thăm bệnh ông, khiến cho nhiều ngàn người cùng phát tâm Bồ-đề vô thượng.

3. Đệ tử.

Lúc ấy, Trưởng giả Duy-ma tự nghĩ: “Nay con bệnh tật không rời khỏi giường thế này, tâm Từ rộng lớn của Đức Thế Tôn đâu có bỏ mà không thương đến.” Đức Thế Tôn biết ý ông, nên bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Tôn giả hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy. Tại sao? Vì con nhớ ngày trước, con ngồi yên trong rừng, bên gốc cây, khi ấy Trưởng giả Duy-ma đến, thưa: “Kính bạch Tôn giả Xá-lợi-phất! Bất tất phải ngồi như vậy mới là ngồi yên. Ngồi yên là ở trong ba cõi mà vẫn không hiện hành thân ý mới là ngồi yên, không xuất định diệt tận mà vẫn hiện hành những cử động khuôn phép mới là ngồi yên, không bỏ pháp Phật mà vẫn hiện hành mọi sự của người thường mới là ngồi yên, tâm không hưởng nội cũng không hưởng ngoại mới là ngồi yên, không động nơi mọi thứ kiến chấp mà vẫn tu hành ba mươi bảy giác phần mới là ngồi yên, không dứt phiền não mà vẫn nhập Niết-bàn mới là ngồi yên. Ngồi được như vậy thì Phật mới ấn chứng.”

Bấy giờ, bạch Thế Tôn! Con nghe lời ấy mà lặng thinh, không thể đáp lại. Do vậy con không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

–Tôn giả hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy. Tại sao? Vì con nhớ trước đây con vào thành Tỳ-da-ly, ở trong một ngõ tắt của phường khóm, thuyết pháp cho các cư sĩ. Bấy giờ Trưởng giả Duy-ma đến thưa với con: “Kính bạch Tôn giả Đại Mục-kiền-liên! Thuyết pháp cho cư sĩ thì đừng nói như Tôn giả nói. Thuyết pháp là thuyết đúng với pháp: pháp không sinh thể, vì tách rời mọi cấu uế của sinh thể; pháp không tự ngã, vì tách rời mọi cấu nhiễm của tự ngã; pháp không sinh mệnh, vì tách rời sinh tử; pháp không tái sinh, vì thời gian trước sau đều dứt hết; pháp thường vắng lặng, vì diệt các tướng; pháp siêu việt các tướng, vì không duyên đâu cả; pháp không tên chữ, vì tuyệt hết mọi ngôn từ; pháp không nói năng, vì tách rời tìm tòi cứu xét; pháp không hình tướng, vì như hư không; pháp không thảo luận vô ích, vì rốt ráo là không; pháp không ngã sở, vì tách rời ngã sở; pháp không phân biệt, vì tách rời các thức; pháp không so sánh, vì không đối chiếu; pháp không thuộc nhân tố, vì không ở nơi mọi nhân tố;

pháp đồng pháp tánh, vì nhập vào thể tánh của các pháp; pháp tùy theo chân như, vì không tùy theo gì cả; pháp trú ở thực tánh, vì những quan điểm cực đoan không thể làm loạn động; pháp không dao động, vì không dựa vào sáu đối tượng; pháp không thời gian, vì thường không ngừng; pháp thích hợp với không, thích ứng vô tướng, thích nghi vô tác; pháp tách rời tốt xấu, pháp không thêm bớt, pháp không sinh diệt, pháp không có đối tượng để quy về, pháp siêu việt giác quan, pháp không cao thấp, pháp thường trú bất động, pháp tách rời mọi loại quan sát. Dạ, kính bạch Tôn giả! Thực tướng của các pháp như vậy thì có thể thuyết giảng được sao? Thuyết pháp là người nói không nói, không chỉ thị, người nghe không nghe, không thủ đắc. Như nhà ảo thuật thuyết pháp cho nhân vật ảo thuật: Hãy có ý thức ấy mà thuyết pháp cho người. Phải biết trình độ của chúng sinh có lanh có chậm, phải hiểu các pháp không bị trở ngại, rồi đem tâm đại Bi mà tán dương Đại thừa, nghĩ báo ân Phật mà tiếp nối Tam bảo, rồi mới thuyết pháp.”

Khi Trưởng giả Duy-ma thuyết pháp như thế thì tám trăm cư sĩ đều phát tâm Bồ-đề vô thượng. Con không có được sự hùng biện như vậy, nên không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Đại Ca-diếp:

–Tôn giả hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Tôn giả Đại Ca-diếp thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy. Tại sao? Vì con nhớ ngày trước con khát thực nơi xóm nghèo, bấy giờ Trưởng giả Duy-ma đến thưa với con: “Dạ, kính bạch Tôn giả Đại Ca-diếp! Tôn giả có tâm Từ bi mà không đồng đẳng, vì bỏ nhà giàu mà khát thực người nghèo. Kính bạch Tôn giả! Hãy sống bình đẳng rồi nên tuân tự khát thực. Hãy vì không ăn mà nên xin ăn, vì hủy diệt trạng huống hòa hợp nên nhận lấy vất ăn, vì không tiếp nhận nên tiếp nhận thực phẩm, vì quán tưởng làng xóm trống vắng mà đi vào làng xóm; thấy hình sắc cũng như không thấy, nghe âm thanh cũng như nghe tiếng vang, ngửi hơi thơm cũng như gió thoảng, nếm mùi vị mà không phân biệt, được tiếp xúc cũng như tuệ giác tiếp xúc; biết các pháp như huyễn ảo, không tự tánh, không tha tánh; vốn không cháy, nên nay không tắt. Kính bạch Tôn giả Đại Ca-diếp! Nếu có thể không bỏ tám tà mà nhập tám Giải thoát, nếu bằng tà pháp mà nhập chánh pháp, nếu đem một bữa ăn mà cho mọi người, mà hiến chư Phật và Hiền thánh Tăng, thì sau đó mới nên ăn. Ăn như vậy không phải có phiền não không phải không phiền não, không phải nhập định không phải xuất định, không ở thế gian không ở Niết-bàn. Người cho thì không kể phước lớn hay phước nhỏ, không kể ích lợi hay tổn hại. Như thế là đi vào đường đi của Phật chứ không đi theo Thanh văn. Kính bạch Tôn giả! Ăn như vậy mới là không ăn một cách vô ích các thực phẩm của người cho.”

Bấy giờ, bạch Thế Tôn! Con nghe nói như vậy tình cảm thấy hiếm có, sinh lòng kính trọng sâu xa đối với các vị Bồ-tát. Con lại nghĩ, người có gia đình mà trí tuệ và hùng biện còn đến như thế thì ai mà không phát tâm Bồ-đề vô thượng. Từ đó đến nay, con không còn khuyên ai bằng pháp Thanh văn, Duyên giác nữa. Và do đó, con không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Tôn giả hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Tôn giả Tu-bồ-đề thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy. Tại sao? Vì con nhớ ngày trước con đến khát thực nơi nhà trưởng giả, trưởng giả lấy bát của con

đựng đầy cơm, rồi nói với con: “Dạ, kính bạch Tôn giả Tu-bồ-đề! Nếu bình đẳng đối với sự ăn thì đối với các pháp cũng bình đẳng, bình đẳng đối với các pháp thì đối với sự ăn cũng bình đẳng, khát thực như vậy mới nên nhận lấy thực phẩm. Nếu Tôn giả không dứt bỏ tham, sân, si mà cũng không sống với tham, sân, si; không hủy diệt thân thể mà vẫn tùy thuận nhất tướng; không hủy diệt vô minh với tham ái mà vẫn phát khởi minh sát với giải thoát; dùng tướng ngũ nghịch mà được giải thoát, không mở không buộc; không phải thấy bốn chân lý, không phải không thấy bốn chân lý; không thủ đắc đạo quả; không phải phạm phu, không phải tách rời phạm phu; không phải Thánh nhân, không phải không Thánh nhân; thành tựu các pháp mà tách rời ý tưởng về các pháp, thì mới nên nhận lấy thực phẩm. Nếu Tôn giả không thấy Phật, không nghe Pháp, lãnh giáo pháp của sáu phái ngoại đạo kia làm thầy của Tôn giả và Tôn giả xuất gia với họ, họ đọa lạc, Tôn giả cũng đọa lạc, như thế mới nên nhận lấy thực phẩm. Nếu Tôn giả nhập vào các loại tà kiến chứ không đến bờ bên kia, ở trong tám nạn chứ không được không nạn, hòa đồng phiền não và tách rời pháp thanh tịnh, Tôn giả được định không cãi thì chúng sinh cũng được định ấy, ai cúng dường Tôn giả thì không gọi là gặp ruộng phước, ai hiến cúng Tôn giả thì đọa vào ba đường dữ, Tôn giả với quân ma cùng nắm tay mà làm bạn với phiền não, Tôn giả với quân ma và phiền não không khác gì nhau cả, oán ghét chúng sinh, phỉ báng Phật và pháp Phật, không dựa vào hàng ngũ chúng Tăng và không bao giờ được Niết-bàn cả: Tôn giả (đủ phương cách và khéo léo, dám làm được) như vậy mới nên nhận lấy thực phẩm.”

Bấy giờ, bạch Thế Tôn! Con nghe vậy mà hoang mang, không biết trưởng giả nói gì, không biết trả lời thế nào, nên để bát lại mà muốn đi ra. Trưởng giả thưa: “Dạ, kính bạch Tôn giả Tu-bồ-đề! Xin hãy lấy bát, đừng sợ. Ý của Tôn giả nghĩ sao? Nếu Đức Thế Tôn tạo ra nhân vật biến hóa, đem những điều trên đây chất vấn thì Tôn giả có sợ không?” Con trả lời: “Không.” Trưởng giả nói: “Các pháp toàn như ảo hóa, Tôn giả không nên sợ. Tại sao? Vì mọi sự nói năng không tách rời ảo hóa. Người có trí thì không vướng mắc nơi văn tự đã được nói ra, nên không sợ gì cả. Tại sao không nên vướng mắc nơi văn tự? Vì văn tự tự nó đã là sự tách rời, tách rời văn tự thì thế là giải thoát, giải thoát chính là các pháp.”

Khi Trưởng giả Duy-ma nói pháp này thì hai trăm hàng trời, người được mắt pháp trong sáng. Do vậy, con không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Phú-lâu-na:

–Tôn giả hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Tôn giả Phú-lâu-na thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy. Tại sao? Vì con nhớ ngày trước con ở trong rừng lớn, bên một đại thọ, thuyết pháp cho các vị Tỳ-kheo mới thọ đại giới. Bấy giờ Trưởng giả Duy-ma đến, thưa với con: “Dạ, kính bạch Tôn giả Phú-lâu-na! Trước hết Tôn giả hãy nhập định quán xét những người này đã, mới nên thuyết pháp. Tôn giả đừng đem thực phẩm dơ bẩn đặt vào bát ngọc. Tôn giả nên biết các vị Tỳ-kheo này nghĩ gì, đừng lầm lưu ly là thủy tinh. Tôn giả không biết trình độ của người nghe thì đừng tác động họ bằng pháp Tiểu thừa: Họ không bị thương thì Tôn giả đừng làm cho họ thương tổn. Người muốn đi đường lớn thì đừng chỉ ngõ hẹp. Đừng đem biển cả nhét vào dấu chân bò. Đừng đem mặt trời coi như đom đóm. Kính bạch Tôn giả Phú-lâu-na! Những vị Tỳ-kheo này từ lâu đã phát tâm Đại thừa, nửa chừng quên tâm ấy, tại sao Tôn giả lại đem pháp Tiểu thừa mà hướng dẫn. Con thấy

Tiểu thừa trí tuệ nhỏ, cạn, chẳng khát đui mù, không thể phân biệt về trình độ lanh chậm của chúng sinh.” Bấy giờ Trưởng giả Duy-ma tức thì nhập định, làm cho các vị Tỳ-kheo tự nhớ về đời trước đã từng gieo trồng các loại gốc rễ công đức nơi chỗ năm trăm Đức Phật, hồi hướng đến Bồ-đề vô thượng, tức thì thông suốt, phục hồi tâm cũ. Các vị Tỳ-kheo ấy lay ngang chân Trưởng giả Duy-ma. Trưởng giả nhân đó thuyết pháp, làm cho họ không còn thoái chuyển nơi Bồ-đề vô thượng. Con nghĩ hàng Thanh văn không xét trình độ của người thì không nên thuyết pháp. Và do vậy, con không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Ca-chiên-diên:

–Tôn giả hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Tôn giả Ca-chiên-diên thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy. Tại sao? Vì con nhớ ngày trước, Đức Thế Tôn đã lược nói cho các vị Tỳ-kheo về chỗ chính yếu của các pháp, sau đó con quảng diễn nghĩa lý chính yếu ấy, rằng đó là vô thường, khổ, không, vô ngã, vắng lặng. Bấy giờ Trưởng giả Duy-ma đến, thưa với con: “Dạ, kính bạch Tôn giả Ca-chiên-diên! Xin đừng đem cái tâm sinh diệt mà nói về pháp thật tướng. Kính bạch Tôn giả! Vô thường nghĩa là các pháp triệt để bất sinh bất diệt, khổ nghĩa là năm uẩn rỗng lặng mà không có khởi lên, không nghĩa là các pháp triệt để không hiện hữu, vô ngã nghĩa là ngã và ngã sở mà thấy là bất nhị, vắng lặng nghĩa là các pháp vốn không cháy nay không tắt.” Khi Trưởng giả Duy-ma thuyết pháp như vậy thì các Tỳ-kheo tâm được giải thoát. Do vậy, con không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-na-luật:

–Tôn giả hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Tôn giả A-na-luật thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy. Tại sao? Vì con nhớ ngày trước con kinh hành nơi một chỗ nọ, bấy giờ có Phạm vương tên Nghiêm Tịnh, cùng với mười ngàn Phạm thiên phóng ánh sáng trong suốt, cùng đến chỗ con, lay mà hỏi: “Thiên nhãn của Tôn giả thấy được bao nhiêu?” Con trả lời: “Nhân giả, tôi thấy đại thiên thế giới này của Đức Thế Tôn Thích-ca, tựa như hình trái Yêm-ma-la trong lòng bàn tay.” Lúc ấy, Trưởng giả Duy-ma đến, thưa với con: “Dạ, kính bạch Tôn giả A-na-luật! Thiên nhãn của Tôn giả thấy là có hay không có hành tướng? Có hành tướng thì không khác gì năm thông của ngoại đạo, không có hành tướng thì là vô vi, chẳng nên có sự thấy.”

Bạch Thế Tôn! Lúc ấy con lặng thinh, còn các Phạm thiên nghe trưởng giả nói thì vui mừng chưa từng có, liền lay trưởng giả mà hỏi: “Đời có ai được Thiên nhãn thật không?” Trưởng giả trả lời: “Có, Đức Thế Tôn được Thiên nhãn thật, thường ở trong chánh định mà vẫn thấy hết mọi cõi Phật, thấy không phải bằng nhị biên.” Bấy giờ, Phạm vương Nghiêm Tịnh và năm trăm Phạm thiên quyến thuộc đều phát tâm Bồ-đề vô thượng, lay ngang chân trưởng giả rồi ẩn mất. Do vậy, con không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Ưu-ba-ly:

–Tôn giả hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Tôn giả Ưu-ba-ly thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy. Tại sao? Vì con nhớ trước đây có hai vị Tỳ-kheo phạm giới, lấy làm xấu hổ, không dám hỏi Đức

Thế Tôn, nên đến hỏi con: “Kính bạch Tôn giả Ưu-ba-ly! Chúng con phạm giới, thật là xấu hổ, không dám hỏi Đức Thế Tôn, xin Tôn giả giải tỏa mối nghi ngờ và hối hận cho chúng con có thể thoát khỏi lỗi này.” Con liền giải thích đúng pháp cho hai vị ấy. Bấy giờ Trưởng giả Duy-ma đến, thưa với con: “Dạ, kính bạch Tôn giả Ưu-ba-ly! Xin đừng làm tăng thêm cái tội của hai vị Tỳ-kheo ấy. Tôn giả nên giải tỏa thẳng vào tội lỗi, đừng quấy rối tâm họ. Tại sao? Vì tội của họ không ở trong, không ở ngoài, không ở giữa. Như Đức Thế Tôn đã dạy, tâm bản thì con người bản, tâm sạch thì con người sạch. Tâm không ở trong, không ở ngoài, không ở giữa. Tâm như vậy thì tội cũng vậy, các pháp cũng vậy, tất cả toàn là chân như. Như khi Tôn giả đem tâm tánh vốn sạch mà thực hiện giải thoát, thì tâm tánh ấy vốn có bản chăng?” Con trả lời: “Không.” Trưởng giả lại nói: “Tâm tánh của chúng sinh không bản cũng y như thế. Kính bạch Tôn giả! Vọng tưởng là bản, không vọng tưởng mới sạch, điên đảo là bản, không điên đảo mới sạch, chấp ngã là bản, không chấp ngã mới sạch. Kính bạch Tôn giả! Các pháp sinh diệt không ngừng, như ảo thuật, như ánh chớp. Các pháp không chờ nhau, đến nỗi một thoáng cũng không ngừng. Các pháp toàn là vọng thấy, như chiêm bao, như sóng nắng, như trăng dưới nước, như ảnh trong gương, các pháp toàn do vọng tưởng. Biết như vậy là tuân giữ giới luật, biết như vậy là khéo hiểu giới luật.” Bấy giờ, hai vị Tỳ-kheo nói: “Thật là bậc Trí tuệ cao vời, Tôn giả Ưu-ba-ly không bằng. Tôn giả đã giữ giới trên hết mà không thể nói như vậy.” Con liền trả lời: “Ngoại trừ Đức Thế Tôn, chưa có Thanh văn với Bồ-tát nào chế ngự nổi sự hùng biện của Trưởng giả Duy-ma. Trí tuệ của trưởng giả thấu suốt đến như thế.” Khi ấy, hai vị Tỳ-kheo hết cả hoài nghi, hối hận, phát tâm Bồ-đề vô thượng, nguyện cho tất cả chúng sinh cũng được hùng biện như vậy. Do đó, con không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả La-hầu-la:

–Tôn giả hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Tôn giả La-hầu-la thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy. Tại sao? Vì con nhớ ngày trước, các trưởng giả tử tử thành Tỳ-da-ly đến chỗ con, lay rồi hỏi:

“Dạ, kính bạch Tôn giả La-hầu-la! Tôn giả là con Phật, bỏ ngôi vị Luân vương mà xuất gia, tu tập chánh pháp. Vậy sự xuất gia có những lợi ích gì?” Con liền nói cho họ một cách đúng pháp về công đức, lợi ích của sự xuất gia. Bấy giờ, Trưởng giả Duy-ma đến, thưa với con: “Dạ, kính bạch Tôn giả La-hầu-la! Không nên nói công đức, lợi ích của sự xuất gia. Tại sao? Vì không lợi ích, không công đức mới là xuất gia. Pháp hữu vi mới có thể nói là có lợi ích, có công đức. Còn xuất gia là pháp vô vi. Trong pháp vô vi thì không có lợi ích, không có công đức. Kính bạch Tôn giả! Xuất gia thì không thế này, không thế khác, không lưng chừng. Tách rời sáu mươi kiến chấp mà ở nơi Niết-bàn; bậc Trí vâng chịu và hàng Thánh đi theo; chiến thắng các loại quân ma, vượt năm đường, sạch năm mắt, được năm căn bản, lập năm năng lực; không gây rối ai, bỏ mọi điều ác; xô ngã ngoại đạo, vượt trên giả danh; thoát khỏi bùn lầy, không hệ lụy, không ngã sở, không vâng chịu, không loạn động; trong tâm hoan hỷ và nâng đỡ chúng sinh; thuận theo thiên định, tách rời lầm lỗi: có năng lực làm được như vậy mới là xuất gia thật.” Trưởng giả Duy-ma bảo các trưởng giả tử: “Các vị nên cùng nhau xuất gia trong pháp Phật. Tại sao? Vì khó gặp được thời gian có Phật.” Các Trưởng giả tử nói: “Thưa cư sĩ, chúng tôi nghe nói Phật dạy cha mẹ không đồng ý thì không được xuất gia.” Trưởng giả Duy-ma nói: “Nhưng các vị phát tâm Bồ-đề vô thượng thì thế là xuất gia là có giới Cụ

túc rồi đó.” Bấy giờ ba mươi hai trưởng giả tử đều phát tâm Bồ-đề vô thượng. Do vậy, con không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Tôn giả hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Tôn giả A-nan thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy. Tại sao? Vì con nhớ ngày trước thân thể Đức Thế Tôn có chút bệnh, cần đến sữa bò. Con liền cầm bát, tới một nhà đại Bà-la-môn, đứng ngoài cửa. Bấy giờ Trưởng giả Duy-ma đến, thưa với con: “Dạ, kính bạch Tôn giả A-nan! Tại sao mới sáng sớm mà Tôn giả cầm bát đứng đây?” Con trả lời: “Thưa cư sĩ! Đức Thế Tôn thân có chút bệnh, cần đến sữa bò, nên tôi đến đây.” Trưởng giả Duy-ma liền nói: “Đừng, đừng, Tôn giả A-nan! Đừng nói như vậy. Thân Đức Thế Tôn là thân kim cương, dứt hết điều ác, hội đủ điều thiện, thì còn bệnh tật gì, có bực bội nào? Hãy lặng thinh mà đi đi, Tôn giả A-nan, đừng phỉ báng Đức Thế Tôn, đừng để người khác nghe lời thô ấy, đừng để chư Thiên đại oai đức, hay các vị Bồ-tát đến từ các phương tịnh độ, nghe được lời ấy. Kính bạch Tôn giả! Luân vương nhờ chút phước mà còn được vô bệnh, huống chi Đức Thế Tôn tụ hội vô lượng phước đức và là bậc hơn hết? Đi đi thôi, Tôn giả A-nan, đừng để chúng tôi cũng chịu sỉ nhục này. Ngoại đạo Phạm chí nghe được lời ấy thì sẽ nghĩ sao gọi là thầy, bệnh mình không tự cứu được thì làm sao cứu được mọi người. Tôn giả hãy kín đáo đi mau đi, đừng để ai nghe. Kính bạch Tôn giả A-nan! Nên biết thân Phật là Pháp thân, không phải cái thân nghĩ đến ái dục. Phật là Đấng Thế Tôn, vượt quá ba cõi. Thân Phật vô lậu, các lậu đã hết. Thân Phật vô vi, không thuộc phạm vi số lượng. Thân Phật như vậy, làm sao có bệnh?” Bấy giờ, bạch Thế Tôn! Con thật xấu hổ: Có thể nào gần Đức Thế Tôn mà lại nghe lầm? Tức thì trong không trung có tiếng nói bảo con: “Tôn giả A-nan, sự thể đúng như trưởng giả nói. Chỉ vì Đức Thế Tôn xuất hiện trong giai đoạn có đủ năm thứ ô nhiễm, nên hiện hành bệnh tật để giáo hóa chúng sinh. Vậy cứ đi đi, Tôn giả A-nan, cứ kiếm sữa, đừng có xấu hổ.”

Bạch Thế Tôn! Trưởng giả Duy-ma trí tuệ hùng biện đến như thế. Do vậy, con không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Cứ như vậy, năm trăm đại đệ tử của Đức Thế Tôn ai cũng thưa với Ngài về trường hợp cũ, thuật lại lời nói của Trưởng giả Duy-ma và cũng nói không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy.

4. Bồ-tát.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Đại sĩ hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Bồ-tát Di-lặc thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy. Tại sao? Vì con nhớ trước đây con nói hạnh của quả vị bất thoái cho Thiên vương Đâu-suất và quyến thuộc của ông. Bấy giờ, Trưởng giả Duy-ma đến, thưa với con: “Kính bạch Bồ-tát Di-lặc! Đức Thế Tôn thọ ký cho Nhân giả một đời nữa là thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng, vậy Nhân giả dùng đời nào để nhận được thọ ký, quá khứ, vị lai hay hiện tại? Nếu dùng đời quá khứ thì đời quá khứ đã qua rồi, nếu dùng đời vị lai thì đời vị lai chưa đến, nếu dùng đời hiện tại thì đời hiện tại không ngừng, đúng như Thế Tôn đã nói, chư Tỳ-kheo, chính ngay bây giờ mà các vị vừa sinh vừa già vừa chết. Nếu dùng cái không có đời nào mà nhận được thọ ký, thì không có đời nào là vị trí chính yếu, trong vị trí

chính yếu cũng không có thọ ký, không có sự Bồ-đề vô thượng. Như vậy làm sao Nhân giả được thọ ký một đời, từ chân như sinh mà thọ ký, hay từ chân như diệt mà được thọ ký? Từ chân như sinh thì chân như không sinh, từ chân như diệt thì chân như không diệt. Tất cả chúng sinh toàn là chân như, tất cả các pháp cũng toàn chân như, tất cả Hiền thánh cũng toàn là chân như, đến như Nhân giả cũng là chân như. Nếu Nhân giả được thọ ký thì tất cả chúng sinh đáng lẽ cũng được thọ ký, tại sao, vì chân như là không nhị biên, không có các tánh khác nhau. Nếu Nhân giả được Bồ-đề vô thượng thì tất cả chúng sinh đáng lẽ cũng được, tại sao, vì chúng sinh chính là Bồ-đề. Nếu Nhân giả được Niết-bàn thì tất cả chúng sinh đáng lẽ cũng được Niết-bàn, tại sao, vì chính Phật biết hết thấy chúng sinh rốt ráo là vắng lặng, tức tướng Niết-bàn không trở lại vắng lặng nữa. Do vậy, Nhân giả không nên đem pháp này mà chỉ dẫn chư Thiên, vì thật ra không có người phát tâm Bồ-đề vô thượng, cũng không có người thoái chuyển tâm ấy. Nhân giả nên làm cho chư Thiên này bỏ sự phân biệt về Bồ-đề. Tại sao? Vì Bồ-đề không thể được bằng thân, không thể được bằng tâm. Tịch diệt là Bồ-đề, vì diệt hết các tướng. Không xét là Bồ-đề, vì rời mọi sự duyên dựa. Không biết là Bồ-đề, vì không mọi sự nhớ nghĩ. Đoạn trừ là Bồ-đề, vì xả bỏ mọi thứ kiến chấp. Tách rời là Bồ-đề, vì tách rời mọi thứ vọng tưởng. Chướng ngại là Bồ-đề, vì làm chướng ngại mọi sự nguyện cầu. Không chứng vào là Bồ-đề, vì không có tham chấp. Thuận với là Bồ-đề, vì thuận với chân như. Trú ở là Bồ-đề, vì trú ở pháp tánh. Đạt đến là Bồ-đề, vì đạt đến thật tế. Bất nhị là Bồ-đề, vì tách rời ý thức và đối tượng của ý thức. Đồng đẳng là Bồ-đề, vì đồng đẳng hư không. Vô vi là Bồ-đề, vì không sinh trú diệt. Biết rõ là Bồ-đề, vì biết rõ tâm hành của chúng sinh. Không hội tụ là Bồ-đề, vì giác quan và đối tượng không hội tụ với nhau. Không hợp là Bồ-đề, vì tách rời thói quen của phiền não. Không vị trí là Bồ-đề, vì không có hình sắc. Giả danh là Bồ-đề, vì danh từ là không. Như biến hóa là Bồ-đề, vì không có lấy bỏ. Không loạn động là Bồ-đề, vì thường tự yên tĩnh. Khéo vắng lặng là Bồ-đề, vì bản tánh thanh tịnh. Không lấy là Bồ-đề, vì tách rời mọi vin, náu. Không khác là Bồ-đề, vì các pháp đồng đẳng. Không sinh là Bồ-đề, vì không gì có thể ví dụ. Nhiệm mầu là Bồ-đề, vì các pháp khó biết.”

Bạch Thế Tôn! Khi Trưởng giả Duy-ma nói pháp như vậy thì có hai trăm trời, người được pháp Nhãn vô sinh. Do vậy, nên con không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Đức Thế Tôn bảo Đồng tử Quang Nghiêm:

–Đồng tử hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Đồng tử Quang Nghiêm thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy. Tại sao? Vì con nhớ trước đây con đi ra thành Tỳ-da-ly, thì gặp trưởng giả vừa vào thành ấy. Con thi lễ và hỏi: “Cư sĩ từ đâu đến đây?” Trưởng giả trả lời với con: “Tôi từ đạo tràng đến đây.” Con hỏi: “Đạo tràng là chỗ nào?” Trưởng giả trả lời: “Tâm ngay thẳng là đạo tràng, vì không có giả dối. Phát khởi việc làm là đạo tràng, vì có thể làm thành mọi việc. Tâm sâu xa là đạo tràng, vì tăng thêm công đức. Tâm Bồ-đề là đạo tràng, vì không lầm lẫn. Bố thí là đạo tràng, vì không có hy vọng đáp trả. Trì giới là đạo tràng, vì ý nguyện đầy đủ. Nhẫn nhục là đạo tràng, vì đối với chúng sinh tâm không bị chướng ngại. Tinh tấn là đạo tràng, vì không biếng nhác thoái lui. Thiên định là đạo tràng, vì tâm thuần hóa ôn hòa. Trí tuệ là đạo tràng, vì hiện thấy các pháp. Từ là đạo tràng, vì đồng đẳng với chúng sinh. Bi là đạo tràng, vì chịu được mệt nhọc khổ sở. Hỷ là đạo

tràng, vì vui thích về pháp. Xả là đạo tràng, vì ghét thương đều cắt đứt. Thần thông là đạo tràng, vì thành tựu sáu Thông. Giải thoát là đạo tràng, vì có thể từ bỏ. Phương tiện là đạo tràng, vì giáo hóa chúng sinh. Bốn Nhiếp pháp là đạo tràng, vì thâm tóm, dẫn dắt chúng sinh. Đa văn là đạo tràng, vì thực hành đúng như đã nghe. Chế ngự tâm là đạo tràng, vì chánh quán các pháp. Ba mươi bảy giác phần là đạo tràng, vì xả bỏ pháp hữu vi. Đế là đạo tràng, vì không lừa đảo thế gian. Duyên khởi là đạo tràng, vì vô minh cho đến lão tử đều vô cùng tận. Các phiền não là đạo tràng, vì biết đúng như sự thật. Chúng sinh là đạo tràng, vì biết là vô ngã. Tất cả các pháp là đạo tràng, vì biết các pháp là không. Chiến thắng quân ma là đạo tràng, vì không có nghiêng đổ. Ba cõi là đạo tràng, vì không có đối tượng để hưởng tới. Sự tử gấm là đạo tràng, vì không còn e sợ. Lực, Vô úy và pháp Bất cộng là đạo tràng, vì không còn mọi lầm lỗi. Ba Minh là đạo tràng, vì không còn sót lại sự chướng ngại nào. Một ý nghĩ biết tất cả pháp là đạo tràng, vì thành tựu nhất thế trí. Như vậy, thiện nam! Bồ-tát nếu thích ứng các pháp Ba-la-mật mà giáo hóa chúng sinh, thì mọi động tác, cất chân lên để chân xuống, nên biết toàn là từ đạo tràng mà đến ở nơi pháp Phật.”

Khi Trưởng giả Duy-ma nói pháp như vậy thì năm trăm hàng trời, người đều phát tâm Bồ-đề vô thượng, nên con không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Trì Thế:

–Bồ-tát hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Bồ-tát Trì Thế thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy. Tại sao? Vì con nhớ ngày trước con ở trong tịnh thất, bấy giờ ma vương Ba-tuần đổi dáng Đế Thích, cùng mười hai ngàn Thiên nữ tấu nhạc hát ca mà đến chỗ con, cùng nhau lay ngang chân con, rồi chấp tay cung kính đứng qua một phía. Con tưởng là Đế Thích nên bảo: “Đến đây tốt lắm, Kiều-thi-ca. Nhưng phước đức đáng hưởng cũng đừng buông thả. Phải xét năm dục vô thường để cầu pháp thiện. Đem thân thể tính mạng và tài sản mà thực hiện sự bền chắc.”

Ma vương liền thưa với con: “Kính bạch Chánh sĩ! Xin hãy nhận mười hai ngàn Thiên nữ này để giúp việc quét tước.”

Con bảo: “Kiều-thi-ca! Đừng đem vật phi giới pháp đến cho Sa-môn Thích tử. Những Thiên nữ này không phải là vật thích nghi với tôi.”

Nói chưa xong thì Trưởng giả Duy-ma đến, thưa với con: “Người này không phải Đế Thích, mà là ma vương đến quấy phá Bồ-tát đó. Tức thì trưởng giả bảo ma vương: “Hãy cho ta những Thiên nữ này. Ta thì nhận được.”

Ma vương kinh sợ, nghĩ trưởng giả này chắc sẽ nã hại mình. Ma vương muốn tàng hình trốn đi mà không tàng hình được. Cùng tận thân lực, ma vương vẫn không thể trốn đi. Thì nghe trong không gian có tiếng bảo: “Ba-tuần, hãy đem Thiên nữ cho đi thì mới đi được.”

Ma vương vì sợ nên miễn cưỡng mà cho. Trưởng giả Duy-ma bảo các Thiên nữ: “Ma vương đã đem các người cho ta, vậy các người nên phát tâm Bồ-đề vô thượng.” Trưởng giả liền thích nghi mà thuyết pháp cho họ phát tâm.

Lại bảo: “Các người đã phát tâm rồi thì có cái vui của chánh pháp có thể vui được, không cần vui theo năm dục nữa.”

Các Thiên nữ hỏi: “Vui theo chánh pháp là thế nào?”

Trưởng giả nói: “Là thích tin Phật, thích nghe Pháp, thích cúng Tăng, thích rời năm

dục, thích xét năm uẩn như giặc thù, thích xét bốn đại như rắn độc, thích xét sáu giác quan như xóm vắng, thích giữ gìn tâm Bồ-đề, thích tạo lợi ích cho chúng sinh, thích kính thờ sư trưởng, thích bố thí rộng rãi, thích giữ giới bền chắc, thích ôn hòa nhẫn nhục, thích siêng năng tập hợp căn lành, thích thiền định không có loạn động, thích tuệ sáng không có dơ bẩn, thích mở rộng tâm Bồ-đề, thích chiến thắng quân ma, thích đoạn tuyệt phiền não, thích làm sạch thế giới, vì thích thành tựu tướng hảo mà tu tập mọi thứ công đức, thích trang nghiêm đạo tràng, thích nghe giáo pháp sâu xa mà không sợ, thích ba cửa giải thoát mà không thích phi thời, thích gần đồng học và thích tâm không tức giận, không tạo chướng ngại đối với những người không phải đồng học, thích nâng đỡ bạn ác và thích thân gần tri thức thiện, thích tâm vui mừng thanh tịnh, thích tu vô lượng các pháp giác phần. Như thế đó là sự vui thích chánh pháp của Bồ-tát.”

Bấy giờ, Ba-tuần bảo các Thiên nữ: “Ta muốn cùng các người trở về Thiên cung.”

Các Thiên nữ nói: “Ông đã đem chúng tôi cho vị cư sĩ này, lại có cái vui chánh pháp làm cho chúng tôi rất thích rồi, chúng tôi không còn thích cái vui của năm dục nữa.”

Ma vương nói: “Thưa cư sĩ, xin phóng xả những Thiên nữ này. Vì cho người tất cả, đó là Bồ-tát.”

Trưởng giả Duy-ma nói: “Rồi, ta đã phóng xả rồi đó, nhà người đem họ đi đi. Ấy là để làm cho tất cả chúng sinh được hoàn hảo về ước nguyện chánh pháp.”

Các Thiên nữ hỏi Trưởng giả Duy-ma: “Chúng tôi nên ở Thiên cung theo cách nào?”

Trưởng giả Duy-ma nói: “Các chị, có một pháp môn tên là Ngọn đèn vô tận, các chị nên tu học. Ngọn đèn vô tận là như một ngọn đèn đốt cháy cả trăm cả ngàn ngọn đèn, làm cho tối tăm đều sáng lên cả và cái sáng ấy không bao giờ cùng tận. Như thế, các chị, một vị Bồ-tát mở mắt dẫn đường cho cả trăm cả ngàn chúng sinh, làm cho họ phát tâm Bồ-đề vô thượng, thế nhưng tâm Bồ-đề vô thượng của vị Bồ-tát ấy vẫn không cùng tận, mà tùy pháp mình nói còn tự tăng thêm mọi thứ pháp thiện, như thế gọi là ngọn đèn vô tận. Các chị dấu ở Thiên cung, vẫn đem ngọn đèn vô tận này làm cho vô số Thiên tử, Thiên nữ phát tâm Bồ-đề vô thượng, thì thế là báo đáp ân đức của Phật, lại rất lợi ích cho cả chúng sinh.”

Lúc ấy các Thiên nữ đem đầu mặt lạy ngang chân Trưởng giả Duy-ma, rồi theo ma vương trở về Thiên cung. Trong chốc lát họ ẩn mất tất cả.

Bạch Thế Tôn! Trưởng giả Duy-ma có thần lực tự tại và trí tuệ hùng biện như vậy, nên con không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Đức Thế Tôn bảo Trưởng giả tử Thiện Đức:

–Trưởng giả tử hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Trưởng giả tử Thiện Đức thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy. Tại sao? Vì con nhớ ngày trước con thiết lập hội đại thí nơi nhà cha con cho phép, hiến cúng tất cả Sa-môn, Bà-la-môn, ngoại đạo, những người nghèo khổ, thấp kém, cô độc, hành khát, kỳ hạn đủ bảy ngày. Bấy giờ Trưởng giả Duy-ma đến hội đại thí, bảo con: “Trưởng giả tử, hội đại thí thì không nên như ông thiết lập. Hãy làm hội pháp thí, cần gì hội tài thí như thế này.”

Con hỏi: “Thưa cư sĩ, hội pháp thí là thế nào?”

Trưởng giả trả lời: “Hội pháp thí thì không trước không sau, một lúc mà hiến cúng

tất cả chúng sinh, đó là hội pháp thí.”

Con hỏi: “Như thế là thế nào?”

Trưởng giả nói: “Vì tuệ giác Bồ-đề mà khởi lên tâm Từ. Vì cứu vớt chúng sinh mà khởi lên tâm Bi. Vì giữ chánh pháp mà khởi lên tâm Hỷ. Vì thâm giữ trí tuệ mà khởi lên tâm Xả. Vì thâm những kẻ tham lẫn mà khởi lên Thí độ (Bố thí ba-la-mật). Vì giáo hóa những kẻ phạm giới mà khởi lên Giới độ. Đem sự vô ngã mà khởi lên Nhẫn độ. Đem sự bất kể thân tâm mà khởi lên Tinh tấn độ. Đem Bồ-đề vắng lặng mà khởi lên Thiền độ. Vì sự toàn trí mà khởi lên Tuệ độ. Vì giáo hóa chúng sinh mà khởi lên không. Vì không bỏ hữu vi mà khởi lên vô tướng. Vì thị hiện thọ sinh mà khởi lên vô tác. Vì hộ trì chánh pháp mà khởi lên diệu lực nơi phương tiện. Vì hóa độ chúng sinh mà khởi lên bốn Nhiếp pháp. Vì kính thờ tất cả mà khởi lên sự trừ khử ngạo mạn. Đem thân thể, tính mạng và tài sản không bền chắc mà khởi lên thân thể, tính mạng và tài sản bền chắc. Nơi sáu sự tướng niệm mà khởi lên tướng niệm. Nơi sáu cách hòa kính mà khởi lên tâm ngay thẳng, chân chất. Vì đúng đắn làm lành mà khởi lên cách sống trong sạch. Đem tâm trong sạch hoan hỷ mà khởi lên sự thân gần Hiền thánh. Vì không ghét kẻ ác mà khởi lên tâm thuần hóa. Vì sự xuất gia mà khởi lên tâm sâu xa. Vì sự làm đúng với lời nói mà khởi lên đa văn. Vì sự không tranh cãi mà khởi lên ở chỗ vắng lặng. Vì hướng tới tuệ giác của Phật mà khởi lên sự ngời yên. Vì cởi mở sự ràng buộc nơi chúng sinh mà khởi lên sự tu hành. Vì sự đầy đủ tướng hảo và làm thanh tịnh cõi Phật mà khởi lên nghiệp phước. Vì để biết tâm lý của chúng sinh, thuyết pháp thích ứng, mà khởi lên nghiệp trí. Vì biết các pháp, không lấy không bỏ, nhập vào đồng nhất, mà khởi lên nghiệp tuệ. Vì đoạn mọi phiền não, mọi chướng ngại, mọi bất thiện, mà khởi lên mọi nghiệp thiện. Vì được tất cả trí tuệ và tất cả pháp thiện mà khởi lên mọi pháp hỗ trợ tuệ giác của Phật. Như thế, thiện nam, gọi là hội pháp thí. Bồ-tát ở nơi hội pháp thí như vậy là bậc thí chủ vĩ đại, cũng là ruộng phước của toàn thể thế gian.”

Bạch Thế Tôn! Khi Trưởng giả Duy-ma nói pháp này thì trong chúng Bà-la-môn có hai trăm người phát tâm Bồ-đề vô thượng. Còn con, bấy giờ tâm được thanh tịnh và con tán dương là chưa từng có. Con cúi đầu lạy ngang chân Trưởng giả Duy-ma và cởi ra kính dâng trưởng giả râu chuỗi ngọc trị giá cả trăm cả ngàn lạng vàng, nhưng trưởng giả không nhận.

Con nói: “Kính thưa cư sĩ, xin nhận cho con rồi cho ai thì tùy ý.”

Bấy giờ trưởng giả mới nhận chuỗi ngọc, chia làm hai phần, đem một phần cho người hành khát thấp nhất trong hội đại thí, đem một phần dâng Đức Như Lai Nan Thắng. Tất cả các chúng trong hội đại thí đều thấy thế giới Quang minh, thấy Đức Như Lai Nan Thắng, thấy nửa râu chuỗi ngọc ở thế giới ấy biến thành đài ngọc bốn trụ, bốn phía đều được trang sức, không ngăn che nhau. Trưởng giả Duy-ma hiện thân biến rồi nói: “Nếu người cho tâm ý bình đẳng, thì cho một người hành khát thấp nhất cũng như hiến lên ruộng phước Phật-đà, không khác gì cả. Hễ tâm đại Bi bình đẳng, không cầu quả báo, thì như thế gọi là pháp thí toàn hảo.” Trong thành, một kẻ hành khát thấp nhất thấy thần lực ấy và nghe lời nói ấy, cũng phát tâm Bồ-đề vô thượng. Do vậy, con không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Như thế, các vị Bồ-tát ai cũng thưa với Phật về trường hợp cũ, thuật lại lời nói của Trưởng giả Duy-ma và cùng nói không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy.

5. Thăm bệnh.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn bảo Đại sĩ Văn-thù:

–Đại sĩ hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Đại sĩ Văn-thù thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bậc Thượng nhân ấy khó mà đối đáp. Vì Thượng nhân ấy thấu suốt thật tướng một cách sâu xa, diễn nói pháp yếu một cách khéo léo, hùng biện luôn thông suốt, trí tuệ không bị cản trở, biết hết mọi thể thức đúng pháp của Bồ-tát, vào hết mọi kho tàng bí yếu của Phật-đà, chiến thắng các loại quân ma, du hành các pháp thần thông, trí tuệ phương tiện đều đã hoàn hảo. Tuy nhiên, con xin vâng theo Thánh ý của Đức Thế Tôn, đến thăm bệnh bậc Thượng nhân ấy. Thế là các vị Bồ-tát, các đại đệ tử của Phật, Đế Thích, Phạm vương, bốn Thiên vương..., cùng nghĩ nay hai vị Đại sĩ Văn-thù và Duy-ma đàm luận với nhau thì chắc chắn nói về diệu pháp. Tức thì tám ngàn Bồ-tát, năm trăm Thanh văn, một trăm ngàn trời, người, đều cùng đi theo.

Đại sĩ Văn-thù, với sự cung kính bao quanh của các vị Bồ-tát, các vị đại đệ tử của Phật và các thiên nhân, đi vào thành Tỳ-da-ly. Trưởng giả Duy-ma nghĩ: “Đại sĩ Văn-thù cùng đại chúng sẽ đến đây.” Trưởng giả liền dùng thần lực làm cho phòng mình trống không, không để vật gì, cũng không có người hầu, chỉ để lại một cái giường mà nằm với bệnh tật. Đại sĩ Văn-thù vào nhà Trưởng giả Duy-ma, thấy phòng trưởng giả không có gì hết, chỉ độc một cái giường nằm. Trưởng giả Duy-ma nói:

–Đại sĩ đến tốt quá, Đại sĩ Văn-thù. Ấy là Đại sĩ không đến mà đến, không thấy mà thấy đó.

Đại sĩ Văn-thù nói:

–Đúng như vậy, Trưởng giả Duy-ma. Nếu đến rồi thì không đến nữa, nếu đi rồi thì không đi nữa, bởi vì đến thì không từ đâu đến, đi thì cũng không đi đến đâu và thấy được thì không còn thấy nữa. Nhưng hãy gác việc ấy lại. Trưởng giả Duy-ma, bệnh trưởng giả chịu nổi không? Chữa trị có bớt mà không thêm không? Đức Thế Tôn ân cần hỏi thăm nhiều lắm. Trưởng giả Duy-ma, bệnh trưởng giả do đâu và đã bao lâu rồi? Làm sao mà hết được?

Trưởng giả Duy-ma thưa:

–Từ si mà có ái, nên bệnh tôi sinh ra. Chúng sinh bệnh nên tôi bệnh. Chúng sinh bệnh hết thì bệnh tôi cũng hết. Tại sao, do Bồ-tát vì chúng sinh mà vào sinh tử, có sinh tử là có bệnh. Nếu chúng sinh hết bệnh thì Bồ-tát không còn bệnh nữa. Như vị trưởng giả chỉ có đứa con một, đứa con bệnh thì cha mẹ bệnh theo, đứa con lành thì cha mẹ cũng lành. Bồ-tát cũng vậy. Thương chúng sinh như con, nên chúng sinh bệnh thì Bồ-tát bệnh, chúng sinh lành Bồ-tát mới lành. Đại sĩ hỏi bệnh tôi do đâu, thì thưa Đại sĩ, bệnh Bồ-tát là do đại Bi mà có.

Đại sĩ Văn-thù hỏi:

–Trưởng giả, phòng này tại sao trống không, không cả người hầu?

Trưởng giả Duy-ma nói:

–Thế giới của Phật cũng không, giống như vậy.

Hỏi:

–Vì gì mà không?

Đáp:

–Vì không mà không.

Hỏi:

–Không, vì sao mà không?

Đáp:

– Vì không phân biệt.

Hỏi:

– Không mà có thể phân biệt được sao?

Đáp:

– Chính sự phân biệt cũng không.

Hỏi:

– Không, nên tìm thấy ở đâu?

Đáp:

– Nên tìm thấy ở trong sáu mươi hai kiến chấp.

Hỏi:

– Sáu mươi hai kiến chấp nên tìm thấy ở đâu?

Đáp:

– Nên tìm thấy trong sự giải thoát của Phật.

Hỏi:

– Sự giải thoát của Phật nên tìm thấy ở đâu?

Đáp:

– Nên tìm thấy trong tâm hành của chúng sinh.

Đại sĩ hỏi tại sao tôi không có người hầu, thì tất cả quân ma, ngoại đạo toàn là người hầu của tôi. Lý do là vì quân ma ưa thích sinh tử mà Bồ-tát thì không từ bỏ sinh tử, ngoại đạo ưa thích kiến chấp mà Bồ-tát thì không dao động vì kiến chấp.

Đại sĩ Văn-thù lại hỏi:

– Bệnh của trưởng giả có trạng huống gì?

Đáp:

– Bệnh tôi không có trạng huống, không thể thấy được.

Hỏi:

– Bệnh ấy chung với thân hay chung với tâm?

Đáp:

– Bệnh tôi không phải chung với thân, vì thực tánh của thân là tách rời, cũng không phải chung với tâm, vì tâm thì như huyễn ảo.

Hỏi:

– Trong bốn đại chủng, bệnh trưởng giả là đại chủng nào?

Đáp:

– Bệnh tôi không phải đại chủng đất, cũng không tách rời đại chủng đất; các đại chủng thủy, hỏa và phong cũng vậy. Nhưng bệnh của chúng sinh do bốn đại chủng mà có và vì chúng sinh bệnh nên tôi bệnh.

Lúc ấy, Đại sĩ Văn-thù hỏi Trưởng giả Duy-ma:

– Bồ-tát nên an ủi như thế nào đối với Bồ-tát có bệnh?

Trưởng giả thưa:

– Hãy nói thân vô thường mà đừng bảo chán bỏ thân. Nói thân khổ sở mà đừng bảo thích thú Niết-bàn. Nói thân vô ngã mà bảo giáo hóa hướng dẫn chúng sinh. Nói thân trống vắng mà đừng bảo vắng lặng hoàn toàn. Hãy khuyên sám hối tội cũ nhưng không nói tội thường còn, di chuyển theo thời gian. Khuyên do bệnh của mình mà thương bệnh người khác. Khuyên nên ý thức cái khổ nơi vô số kiếp quá khứ mà nghĩ nhớ đến việc tạo lợi ích cho chúng sinh. Khuyên nhớ phước đã làm và nhớ cách sống trong sạch. Khuyên đừng lo rầu mà thường siêng tinh tấn. Khuyên nguyện làm thầy

thuốc bậc nhất để chữa trị mọi bệnh. Bồ-tát nên khuyến khích như vậy cho Bồ-tát có bệnh, để Bồ-tát có bệnh được hoan hỷ.

Đại sĩ Văn-thù lại hỏi Trưởng giả Duy-ma:

–Bồ-tát có bệnh thì thuần hóa tâm mình như thế nào?

Trưởng giả thưa:

–Bồ-tát có bệnh nên nghĩ bệnh mình sinh ra từ phiền não điên đảo nơi đời trước, không phải có thật, thì ai là người theo bệnh. Tại sao như vậy? Vì bốn đại chủng hòa hợp thì có cái danh từ giả đặt gọi là thân, bốn đại chủng không có chủ thể thì thân cũng không có tự ngã. Lại nữa, bệnh đây là do chấp ngã, nên đừng có chấp ngã. Biết gốc bệnh rồi thì nên trừ khử ý tưởng ngã, ý tưởng chúng sinh, bằng cách khởi lên ý tưởng pháp. Nên nghĩ như vậy: Chỉ do các pháp hợp lại mà thành ra thân này, vậy sinh chỉ là pháp sinh, diệt chỉ là pháp diệt. Chính các pháp cũng không thông tin cho nhau, khi sinh không nói ta sinh, khi diệt không nói ta diệt. Bồ-tát có bệnh lại nghĩ như vậy để trừ bỏ ý tưởng về pháp: Ý tưởng về pháp cũng là điên đảo. Điên đảo là họa lớn, ta phải trừ bỏ. Trừ bỏ bằng cách nào? Phải tách rời ngã, ngã sở. Làm sao tách rời ngã, ngã sở? Phải tách rời nhị biên. Làm sao tách rời nhị biên? Phải thể hiện bình đẳng mà không nghĩ đây là các pháp ở trong, đây là các pháp ở ngoài. Thể hiện bình đẳng như thế nào? Là ngã bình đẳng, Niết-bàn cũng bình đẳng. Tại sao như vậy? Vì ngã với Niết-bàn cả hai đều là không. Vì gì mà không? Vì chỉ có danh từ. Cả hai pháp đều không có tự tánh quyết định: được bình đẳng như vậy thì không còn bệnh nữa, mà chỉ có cái bệnh về không. Nhưng cái bệnh về không cũng là không. Vậy là Bồ-tát có bệnh đem cái không chịu gì hết mà chịu mọi cảm giác. Chưa gồm đủ các pháp Phật thì cũng không hủy diệt cảm giác mà chọn lấy sự chứng đắc.

Nếu thân thể khổ sở thì nghĩ đến chúng sinh trong các đường dữ mà khởi lên tâm đại Bi, rằng mình thuần hóa thì cũng sẽ thuần hóa cho hết thảy chúng sinh và chỉ trừ khử bệnh chứ không trừ khử pháp. Vì đoạn tuyệt gốc bệnh mà giáo hóa, hướng dẫn chúng sinh. Gốc bệnh là gì? Là duyên dựa: duyên dựa là gốc bệnh. Duyên dựa vào gì? Duyên dựa vào ba cõi. Làm sao đoạn tuyệt duyên dựa? Hãy không thủ đắc: không thủ đắc thì không duyên dựa. Không thủ đắc là gì? Là siêu việt nhị biên. Nhị biên là gì? Là thấy trong thấy ngoài và toàn bộ là không thể thủ đắc. Đại sĩ Văn-thù! Như thế gọi là Bồ-tát có bệnh thuần hóa tâm mình, đoạn tuyệt những nỗi khổ, già, bệnh, chết bằng tuệ giác Bồ-đề của Bồ-tát. Nếu không được như vậy thì sự tu trị của Bồ-tát không có trí tuệ và lợi ích gì cả. Thắng kẻ thù mới là mạnh, đoạn tuyệt cả già, bệnh, chết mới gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát có bệnh lại nghĩ, bệnh mình không thật, không có, bệnh chúng sinh cũng không thật, không có. Khi xét như vậy mà đối với chúng sinh dấy lên tâm đại Bi ái kiến thì phải tức khắc xả bỏ. Tại sao? Do Bồ-tát vì trừ khử phiền não mà dấy lên đại Bi, còn đại Bi ái kiến thì đối với sinh tử có lòng chán mệt. Xả bỏ đại Bi ái kiến thì không bị ái kiến ngăn che. Sinh ra ở đâu cũng không bị ràng buộc, như thế mới có thể thuyết pháp mà cởi mở mọi trói buộc cho chúng sinh. Như Phật đã dạy, mình bị trói buộc mà cởi mở được trói buộc cho người thì vô lý, mình không bị trói buộc mà cởi mở được trói buộc cho người thì có lý. Do vậy, Bồ-tát không nên khởi lên sự trói buộc. Trói buộc là gì? Cởi mở là gì? Tham đắm mùi thiền là sự trói buộc của Bồ-tát, phương tiện mà sinh là sự cởi mở của Bồ-tát. Thêm nữa, tuệ giác không phương tiện là trói buộc, tuệ giác có phương tiện là cởi mở, phương tiện không tuệ giác là trói buộc, phương tiện có tuệ giác là cởi

mở. Tuệ giác không phương tiện là trói buộc, là thế nào? Là Bồ-tát do ái kiến mà làm sạch thế giới và làm nên chúng sinh, ở trong pháp không, vô tướng, vô tác và tự thuần hóa, như vậy gọi là tuệ giác không phương tiện là trói buộc. Tuệ giác có phương tiện là cởi mở, là thế nào? Là Bồ-tát không đem ái kiến mà làm sạch thế giới và làm nên chúng sinh, ở trong pháp không vô tướng, vô tác tự thuần hóa mà không chán mệt, như vậy gọi là tuệ giác có phương tiện là cởi mở. Phương tiện không tuệ giác là trói buộc, là thế nào? Là Bồ-tát ở nơi các phiền não, tham dục, sân hận và tà kiến... mà trông các gốc rễ công đức, như vậy gọi là phương tiện không tuệ giác là trói buộc. Phương tiện có tuệ giác là cởi mở, là thế nào? Là Bồ-tát rời bỏ các phiền não, tham dục, sân hận và tà kiến... mà trông các gốc rễ công đức, hồi hướng đến Bồ-đề vô thượng, như vậy gọi là phương tiện có tuệ giác là cởi mở. Đại sĩ Văn-thù! Bồ-tát có bệnh nên xét các pháp như vậy. Lại xét thân này là vô thường, khổ, không, vô ngã, đó là tuệ giác; đầu thân có bệnh mà thường ở trong sinh tử tạo lợi ích cho tất cả chứ không chán mệt, đó là phương tiện. Lại xét thân không rời bệnh, bệnh không rời thân, thân này bệnh này không cái nào mới không cái nào cũ, đó là tuệ giác; dù thân có bệnh mà không vĩnh viễn trụ nơi Niết-bàn, đó là phương tiện.

Đại sĩ Văn-thù! Bồ-tát có bệnh nên thuần hóa tâm mình như vậy mà không ở trong sự thuần hóa, cũng không ở trong sự không thuần hóa. Tại sao, vì ở trong sự không thuần hóa là phạm phu, ở trong sự thuần hóa là Thanh văn, do vậy, Bồ-tát không ở trong sự thuần hóa, không ở trong sự không thuần hóa, tách rời nhị biên ấy là hạnh của Bồ-tát. Ở trong sinh tử mà không ô nhiễm, ở trong Niết-bàn mà không vĩnh diệt, ấy là hạnh của Bồ-tát. Không phải làm như phạm phu, không phải làm như Hiền thánh, ấy là hạnh của Bồ-tát. Không phải việc làm dơ bẩn, không phải việc làm trong sạch, ấy là hạnh của Bồ-tát. Tuy đã vượt quá quân ma mà vẫn thị hiện chiến thắng quân ma, ấy là hạnh của Bồ-tát. Cầu trí toàn giác mà không cầu kết quả chưa đến lúc, ấy là hạnh của Bồ-tát. Quán sát các pháp không sinh mà không nhập vào chính vị, ấy là hạnh của Bồ-tát. Quán sát mười hai duyên khởi mà nhập vào tà kiến, ấy là hạnh của Bồ-tát. Thu nhận chúng sinh mà không ái chấp, ấy là hạnh của Bồ-tát. Thích thú xa rời mà không diệt tận thân tâm, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong ba cõi mà không làm hồng pháp tánh, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong không mà trông các gốc rễ công đức, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong vô tướng mà hóa độ chúng sinh, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong vô tác mà thị hiện thọ thân, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong sự dấy lên mà dấy khởi hạnh thiện, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong sáu Độ mà biết khắp tâm, tâm sở của chúng sinh, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong sáu Thông mà không diệt tận phiền não, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong bốn Tâm vô lượng mà không ham sinh Phạm thiên, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong thiền định giải thoát và Tam-muội mà không thọ sinh theo thiền định, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong bốn Niệm xứ mà không vĩnh viễn lìa thân thọ tâm pháp, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong bốn Chánh cần mà không xả bỏ thân tâm tinh tấn, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong bốn Thần túc mà đã được thần thông tự tại, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong năm Căn mà biết rõ các căn lanh chậm của chúng sinh, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong năm Lực mà thích cầu mười Lực của Phật, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong bảy Giác chi mà phân biệt tuệ giác của Phật, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong tám Chánh đạo mà thích đi theo Phật đạo vô lượng, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong Chỉ và Quán là những pháp hỗ trợ cho tuệ giác mà không tuyệt đối sa vào tịch diệt, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong sự không sinh không diệt của các pháp mà trang nghiêm thân thể bằng các

tướng hảo, ấy là hạnh của Bồ-tát. Hiện ra cử động của Thanh văn, Duyên giác mà không rời bỏ các pháp của Phật-đà, ấy là hạnh của Bồ-tát. Tùy thuận sự trong sạch rốt ráo của các pháp, theo chỗ thích ứng để biến hiện thân mình, ấy là hạnh của Bồ-tát. Quán các quốc độ hoàn toàn tịch tĩnh như hư không mà biến hiện mọi thứ tịnh độ, ấy là hạnh của Bồ-tát. Được Phật tuệ, chuyển pháp luân, nhập Niết-bàn, mà không rời bỏ đường đi của Bồ-tát, ấy là hạnh của Bồ-tát.

Khi Trưởng giả Duy-ma nói như vậy, thì trong số đại chúng đi theo Đại sĩ Văn-thù có tám ngàn trời, người cùng phát tâm Bồ-đề vô thượng.

6. Bất khả tư nghì.

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất thấy trong phòng của Trưởng giả Duy-ma không có giường ghế thì nghĩ: “Các vị Bồ-tát và các vị đại đệ tử của Phật sẽ ngồi ở đâu.” Trưởng giả Duy-ma biết ý nghĩ ấy nên thưa với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Thế nào thưa Tôn giả! Tôn giả đến đây là vì chánh pháp hay vì chỗ ngồi?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Tôi đến đây là vì chánh pháp, không phải vì chỗ ngồi.

Trưởng giả thưa:

–Dạ, kính bạch Tôn giả! Cầu chánh pháp thì thân mạng cũng không tiếc, huống chi là chỗ ngồi. Cầu chánh pháp thì không phải cầu theo năm uẩn, mười hai xứ hay mười tám giới, không phải cầu theo ba cõi. Dạ, kính bạch Tôn giả! Cầu chánh pháp thì không theo sự tham đắm nơi Phật, tham chấp nơi Pháp, hay tham vương nơi Tăng. Cầu chánh pháp thì không cầu theo sự biết khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo, tại sao, vì pháp không có hỷ luận; nếu nói tôi phải biết khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo, thì thế là hỷ luận, không phải cầu chánh pháp. Dạ, kính bạch Tôn giả! Pháp thì tịch diệt, đi theo sinh diệt thì cầu sinh diệt chứ không phải cầu chánh pháp. Pháp thì không nhiễm đắm, nếu nhiễm theo các pháp thì dẫn đến Niết-bàn cũng là nhiễm đắm, không phải cầu chánh pháp. Pháp không phải chỗ đi, đi theo các pháp là đi theo chỗ đi, không phải cầu chánh pháp. Pháp không lấy bỏ, lấy bỏ các pháp thì thế là lấy bỏ, không phải cầu chánh pháp. Pháp không nơi chỗ, vương mắc nơi chỗ thì là vương mắc, không phải cầu chánh pháp. Pháp thì vô tướng, nhận thức theo tướng thì thế là cầu tướng, không phải cầu pháp. Pháp không trú ở, trú ở các pháp thì thế là trú ở, không phải cầu chánh pháp. Pháp không thể thấy nghe, hay biết, đi theo thấy nghe hay biết thì thế là thấy nghe hay biết, không phải cầu chánh pháp. Pháp thì vô vi, đi theo hữu vi thì thế là hữu vi, không phải cầu chánh pháp. Do vậy, kính thưa Tôn giả! Cầu pháp là đối với các pháp không cầu gì cả. Khi Trưởng giả Duy-ma nói như trên đây thì có năm trăm trời, người đối với các pháp được mắt pháp trong sáng.

Trưởng giả Duy-ma hỏi Đại sĩ Văn-thù:

–Kính thưa Đại sĩ! Đại sĩ đã từng du hóa nơi vô số thế giới, vậy thế giới nào có những tòa Sư tử tuyệt hảo nhất?

Đại sĩ Văn-thù nói:

–Trưởng giả, phía Đông, vượt qua ba mươi sáu hằng sa thế giới, có thế giới tên Tu-di tướng, Đức Phật giáo chủ thế giới ấy hiệu là Tu-di Đăng Vương, hiện còn tại thế. Thân Ngài cao tám mươi bốn ngàn do-tuần, tòa Sư tử của Ngài cũng cao với số ấy, đẹp đẽ bậc nhất.

Trưởng giả Duy-ma liền hiện thần lực, tức thì ba mươi hai ngàn tòa Sư tử cao lớn đẹp đẽ được Đức Như Lai Tu-di Đăng Vương cho dời đến phòng của Trưởng giả Duy-

ma. Các vị Bồ-tát, các vị đại đệ tử, Đế Thích, Phạm vương, bốn Thiên vương..., trước đây chưa bao giờ được thấy. Phòng của trưởng giả bấy giờ rộng lớn, chứa ba mươi hai ngàn tòa Sư tử ấy mà không bị chướng ngại gì cả. Cùng lúc, thành Tỳ-da-ly, cả đại lục Diêm-phù và ba đại lục khác, cũng không bị dồn ép gì, ai cũng thấy như cũ.

Bấy giờ, Trưởng giả Duy-ma thưa với Đại sĩ Văn-thù:

–Xin mời Đại sĩ đến ngồi trên tòa Sư tử! Mời các Bồ-tát thượng nhân cùng ngồi! Xin các vị tự biến thân mình cho xứng với tòa ấy. Các vị Bồ-tát được thần thông thì tự biến mình cao lớn bốn mươi hai ngàn do-tuần, ngồi lên trên tòa Sư tử. Các vị Bồ-tát mới phát tâm, các vị đại đệ tử đều không lên ngồi được.

Trưởng giả Duy-ma thưa Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Xin mời Tôn giả lên ngồi trên tòa Sư tử!

Tôn giả nói:

–Trưởng giả, tòa này cao lớn quá, tôi không lên được.

Trưởng giả thưa:

–Dạ, kính bạch Tôn giả! Xin Tôn giả đánh lễ Đức Như Lai Tu-di Đấng Vương thì lên ngồi được.

Các vị Bồ-tát mới phát tâm và các vị đại đệ tử cùng lạy Đức Như Lai Tu-di Đấng Vương và tức thì cùng lên ngồi được trên tòa Sư tử.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Trưởng giả, thật là chưa từng có! Cái phòng như vậy, chứa được số tòa cao lớn như vậy, mà thành Tỳ-da-ly không có gì trở ngại, thành thị thôn xóm nơi toàn cõi Diêm-phù, cùng với cung điện của chư Thiên, Long vương và Quỷ thần trong ba đại lục khác cũng không thấy dồn ép gì.

Trưởng giả Duy-ma thưa:

–Dạ, kính bạch Tôn giả! Chư Phật, Bồ-tát có pháp giải thoát tên là Bất khả tư nghì. Vị Bồ-tát ở trong pháp giải thoát này thì đem núi Tu-di cao lớn nạp vào trong hạt cải mà không thêm không bớt gì. Núi Tu-di vẫn nguyên trạng, bốn Thiên vương cùng chư Thiên cõi trời Đao-lợi cũng không hay biết mình được nạp vào đó, chỉ có người đáng được hóa độ bằng sự này mới thấy Tu-di nạp vào hạt cải. Như thế gọi là pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì. Lại đem bốn đại dương nạp vào một lỗ chân lông, vậy mà không làm náo động các loài thủy sản, bốn đại dương cũng vẫn nguyên trạng, long chúng, quỷ thần cùng với A-tu-la..., cũng không hay biết mình được nạp vào đó và họ cũng không bị quấy rối gì. Kính bạch Tôn giả! Vị Bồ-tát ở trong pháp giải thoát Bất khả tư nghì ngắt lấy đại thiên thế giới rồi, như vòng tròn của người thợ gốm, để trong lòng bàn tay phải, ném quá hằng sa thế giới, vậy mà chúng sinh trong đó không hay biết mình đến đâu; rồi lấy đặt lại chỗ cũ, cũng không để cho chúng sinh hay biết mình trở lại và đại thiên thế giới cũng vẫn nguyên trạng. Kính bạch Tôn giả! Có những người thích tồn tại lâu dài mới hóa độ được, thì Bồ-tát kéo dài bảy ngày đêm thành ra một kiếp, làm cho họ thấy đó là một kiếp; có những người không thích tồn tại lâu dài mới hóa độ được, thì Bồ-tát rút ngắn một kiếp thành ra bảy ngày đêm, làm cho họ thấy đó là bảy ngày đêm. Kính bạch Tôn giả! Vị Bồ-tát ở trong pháp giải thoát Bất khả tư nghì đem mọi sự trang nghiêm của các quốc độ tập hợp lại nơi một quốc độ để chỉ cho chúng sinh, hoặc đem chúng sinh nơi một quốc độ đặt trong lòng bàn tay phải, bay đến mười phương chỉ cho khắp cả, mà không làm biến động nguyên trạng. Kính bạch Tôn giả! Phẩm vật hiến cúng chư Phật của mười phương chúng sinh, Bồ-tát làm cho thấy cả nơi một lỗ chân

lông; nhật nguyệt tinh tú của mười phương thế giới cũng làm cho thấy được nơi một lỗ chân lông. Kính bạch Tôn giả! Tất cả luồng gió của mười phương thế giới, Bồ-tát hút vào trong miệng mà thân thể không bị thương tổn, cây cối ở ngoài cũng không gãy. Mười phương thế giới khi lửa của kiếp tận cháy lên, Bồ-tát nạp hết vào bụng, lửa vẫn nguyên trạng mà không hại gì cả.

Lại nữa, ở phương dưới quá hằng hà sa thế giới chư Phật, nhắc một cồi Phật đặt lên phương trên khỏi hằng hà sa số thế giới, mà chỉ như cầm mũi kim chích lấy đưa lên một lá táo, không nao động gì cả. Kính bạch Tôn giả! Vị Bồ-tát ở trong pháp giải thoát Bất khả tư nghì thì sử dụng thần lực biến thể thân Phật, thân Duyên giác, thân Thanh văn, thân Đế Thích, thân Phạm vương, thân Thế chủ, thân Luân vương. Trong mười phương thế giới có bao nhiêu âm thanh, cung bậc cao vừa thấp, đều có thể biến làm âm thanh của Phật, diễn tả về vô thường, khổ, không, vô ngã, những pháp mà mười phương chư Phật nói, cũng nghe được qua âm thanh ấy. Kính bạch Tôn giả! Ấy là con chỉ nói tóm lược về năng lực của pháp giải thoát Bất khả tư nghì. Nếu nói phong phú thì trọn kiếp nói không hết.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-diếp nghe nói pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì, thì tán dương là chưa từng có và nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Có ai biểu hiện hình sắc trước người mù, thì người mù vẫn không thể thấy được. Thanh văn nghe nói pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì thì không thể hiểu được cũng y như vậy. Bậc có trí nghe pháp môn này thì ai mà không phát tâm Bồ-đề vô thượng. Tại sao chúng ta dứt tuyệt gốc rễ, đối với pháp Đại thừa này thì chúng ta đã như là hạt giống hư nát. Thanh văn nghe pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì như thế thì nên gào khóc cho chấn động đại thiên thế giới, còn Bồ-tát thì nên cả mừng, đặt trên đỉnh đầu mà tiếp nhận pháp môn ấy. Bồ-tát chỉ mới tin hiểu pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì mà tất cả quân ma đã không biết làm thế nào. Khi Tôn giả Đại Ca-diếp nói lời này thì ba mươi hai ngàn trời, người đều phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Lúc ấy, Trưởng giả Duy-ma thưa với Tôn giả Đại Ca-diếp:

–Bạch Tôn giả! Ma vương trong vô lượng thế giới khắp mười phương đa số là Bồ-tát ở trong pháp giải thoát Bất khả tư nghì, sử dụng phương tiện giáo hóa chúng sinh nên hiện làm ma vương. Lại nữa, kính bạch Tôn giả Đại Ca-diếp! Vô lượng Bồ-tát nơi mười phương có ai đến xin tay chân, tai mũi, đầu mắt, tủy não, máu thịt, da xương, thôn xóm, thành thị, vợ con, tôi tớ, voi ngựa, xe cộ, vàng bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, trân châu, y phục, ẩm thực, thì người xin đa số là Bồ-tát ở trong pháp giải thoát Bất khả tư nghì, sử dụng phương tiện mà đến thử nghiệm, làm cho họ bền chắc. Tại sao? Vì Bồ-tát ở trong pháp giải thoát Bất khả tư nghì thì có sức mạnh của uy đức, hiện làm những việc thúc bách khó làm như vậy. Những kẻ phàm phu với những người thấp kém thì không có năng lực, không thể làm những sự thúc bách của Bồ-tát như vậy. Voi quý giẫm đạp thì không phải là loài lừa có thể làm được. Như thế đó gọi là Bồ-tát ở trong pháp giải thoát Bất khả tư nghì.

7. Quan sát chúng sinh.

Đại sĩ Văn-thù hỏi Trưởng giả Duy-ma:

–Bồ-tát nhìn chúng sinh như thế nào?

Trưởng giả Duy-ma thưa:

–Như nhà ảo thuật nhìn thấy nhân vật ảo thuật, Bồ-tát nhìn chúng sinh cũng vậy. Như người có trí thấy trăng dưới nước, thấy mặt trong gương, như nước nơi sóng nắng,

như vang tiếng hô, như mây trong không, như đống bọt nước, như bong bóng nước, như cái chấu của cây chuối, như sự lâu của ánh chớp, như cái đại thứ năm, như cái uẩn thứ sáu, như cái căn thứ bảy, như cái nhập thứ mười ba, như cái giới thứ mười chín: Bồ-tát nhìn chúng sinh như vậy. Như sắc của cõi Vô sắc, như mầm của hạt giống cháy, như chấp ngã của Tu-đà-hoàn, như đầu thai của A-na-hàm, như ba độc của A-la-hán, như tham sân, phá giới của Bồ-tát được Nhẫn vô sinh, như tập quán phiền não của Phật-đà, như sự thấy hình sắc của người mù, như hơi thở ra vào của người nhập định diệt tận, như dấu chim bay trong không gian, như con của thạch nữ, như phiền não của người được biến hóa, như cảnh mộng lúc thức tỉnh, như sự thọ thân của người nhập Niết-bàn, như lửa không có hơi khói: Bồ-tát nhìn chúng sinh như vậy.

Đại sĩ Văn-thù hỏi:

–Bồ-tát nhìn như vậy rồi làm sao thi hành đức từ?

Trưởng giả Duy-ma thưa:

–Bồ-tát nhìn như thế rồi nghĩ mình phải nói cho chúng sinh cái pháp như vậy, đó mới là đức Từ chân thật. Bồ-tát thi hành đức từ tịch diệt, vì không sinh ra nữa. Thi hành đức Từ không nóng, vì không còn phiền não. Thi hành đức Từ bình đẳng, vì ba thời gian đều bình đẳng. Thi hành đức Từ không cãi, vì không còn sự nổi dậy. Thi hành đức Từ bất nhị, vì trong ngoài không kết hợp. Thi hành đức Từ không hồng, vì tuyệt đối diệt tận. Thi hành đức Từ kiên cố, vì tâm không bị hủy hoại. Thi hành đức Từ thanh tịnh, vì bản tánh của các pháp là thanh tịnh. Thi hành đức Từ vô biên, vì ví như không gian. Thi hành đức Từ của A-la hán, vì phá tan đám giặc kết sử. Thi hành đức Từ của Bồ-tát, vì đem yên vui lại cho chúng sinh. Thi hành đức Từ của Như Lai, vì chứng đắc chân như. Thi hành đức Từ của Phật-đà, vì thức tỉnh cho chúng sinh. Thi hành đức Từ tự nhiên, vì không cần nhân tố thúc đẩy mà vẫn vận hành. Thi hành đức Từ Bồ-đề, vì đồng đẳng nhất vị. Thi hành đức Từ không ai sánh bằng, vì đoạn tuyệt mọi thứ tham ái. Thi hành đức Từ đại Bi, vì hướng dẫn bằng pháp Đại thừa. Thi hành đức Từ không chán, vì xét về không, vô ngã. Thi hành đức Từ pháp khí, vì không tiếc để gì cả. Thi hành đức Từ giữ giới, vì hoán cải những người phạm giới. Thi hành đức Từ nhẫn nhục, vì hộ trì cho người và cho mình. Thi hành đức Từ tinh tấn, vì gánh vác chúng sinh. Thi hành đức Từ thiền định, vì không thụ hưởng mùi vị của năm dục. Thi hành đức Từ trí tuệ, vì không có cái lúc không biết. Thi hành đức Từ phương tiện, vì biểu hiện tất cả. Thi hành đức Từ không bí ẩn, vì tâm ngay thẳng rất trong sáng. Thi hành đức Từ tâm sâu xa, vì không làm xen tạp. Thi hành đức Từ không đối trá, vì không có sự trống rỗng, giả tạo. Thi hành đức Từ yên vui, vì làm cho chúng sinh được sự yên vui của Phật. Đức Từ của Bồ-tát đến như vậy.

Đại sĩ Văn-thù lại hỏi:

–Còn đức Bi là thế nào?

Trưởng giả Duy-ma thưa:

–Là Bồ-tát tạo tác công đức thì tất cả đều cho chúng sinh.

Hỏi:

–Đức Hỷ là thế nào?

Đáp:

–Làm được lợi ích gì cho chúng sinh thì hoan hỷ, không hối hận.

Hỏi:

–Đức Xả là thế nào?

Đáp:

–Làm được sự che chở nào cũng không hy vọng đáp trả.

Đại sĩ Văn-thù hỏi:

–Ở trong sinh tử mà có sự sợ hãi thì Bồ-tát nương tựa vào đâu?

Trưởng giả Duy-ma thưa:

–Nương tựa vào sức mạnh của công đức nơi Đức Thế Tôn.

Hỏi:

–Bồ-tát muốn được nương tựa vào sức mạnh của công đức nơi Đức Thế Tôn thì nên đứng vào chỗ nào?

Đáp:

–Đứng vào chỗ muốn giải thoát chúng sinh.

Hỏi:

–Muốn giải thoát chúng sinh thì phải trừ cái gì?

Đáp:

–Giải trừ phiền não cho họ.

Hỏi:

–Muốn giải trừ phiền não cho họ thì phải đi theo cái gì?

Đáp:

–Phải đi theo chánh niệm.

Hỏi:

–Đi theo chánh niệm như thế nào?

Đáp:

–Đi theo sự bất sinh, bất diệt.

Hỏi:

–Cái gì bất sinh? Cái gì bất diệt?

Đáp:

–Ác thì bất sinh, thiện thì bất diệt.

Hỏi:

–Thiện với ác do cái gì làm gốc?

Đáp:

–Do thân làm gốc.

Hỏi:

–Thân do cái gì làm gốc?

Đáp:

–Do tham dục làm gốc.

Hỏi:

–Tham dục do cái gì làm gốc?

Đáp:

–Do phân biệt không chính xác làm gốc.

Hỏi:

–Phân biệt không chính xác do cái gì làm gốc?

Đáp:

–Do ý tưởng điên đảo.

Hỏi:

–Ý tưởng điên đảo do cái gì làm gốc?

Đáp:

–Do sự không trú ở làm gốc.

Hỏi:

–Sự không trú ở do cái gì làm gốc?

Đáp:

–Không trú ở thì không có gốc gác và từ sự không trú ở mà thiết lập các pháp.

Bấy giờ, trong phòng Trưởng giả Duy-ma có một Thiên nữ, thấy các bậc Thượng nhân và nghe các vị nói, liền biểu hiện thân mình, đem thiên hoa rải trên các vị Bồ-tát và các vị đại đệ tử. Hoa đến các vị Bồ-tát thì rơi rớt, đến các vị đại đệ tử thì vương mắc. Các vị đại đệ tử dùng thần lực phải bỏ mà không phải bỏ được. Thiên nữ hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Tại sao phải phải bỏ hoa này?

Tôn giả nói:

–Hoa này không đúng phép nên phải phải bỏ.

Thiên nữ thưa:

–Xin Tôn giả đừng nói hoa này không đúng phép. Tại sao? Vì hoa này không có phân biệt. Phân biệt là Tôn giả tự có. Xuất gia trong pháp Phật, có phân biệt là không đúng phép, không phân biệt mới là đúng phép. Tôn giả hãy nhìn các vị Bồ-tát: hoa không vương mắc là vì đã đoạn tuyệt phân biệt. Con người khi sợ thì ma quỷ được dịp. Các vị cũng vậy, sợ sinh tử nên năm dục được dịp. Không sợ thì năm dục không làm gì được. Tập quán kết sử chưa hết thì hoa vương mắc vào mình, tập quán kết sử hết rồi thì hoa không thể vương mắc.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Thiên nữ ở trong phòng này đã bao lâu?

Thiên nữ thưa:

–Con ở trong phòng này bằng thời gian Tôn giả giải thoát.

Hỏi:

–Ở lâu đến như vậy sao?

Đáp:

–Tôn giả giải thoát đã bao lâu?

Tôn giả lặng thinh, không trả lời.

Thiên nữ hỏi:

–Tại sao bậc đại trí kỳ cựu mà lặng thinh?

Tôn giả nói:

–Vì giải thoát siêu việt mọi ngôn ngữ, nên tôi không biết nói thế nào.

Thiên nữ thưa:

–Ngôn ngữ văn tự cũng là giải thoát. Vì sao? Vì giải thoát không trong, không ngoài, không giữa, ngôn ngữ văn tự cũng không trong, không ngoài, không giữa. Do vậy, kính bạch Tôn giả! Đừng rời văn tự mà nói giải thoát. Tại sao? Vì các pháp toàn là thực thể của giải thoát.

Hỏi:

–Chứ không phải xa rời dâm nộ si là giải thoát?

Đáp:

–Phật vì người tăng thượng mạn mà nói lìa dâm nộ si là giải thoát, người không tăng thượng mạn thì Phật nói bản thể của dâm nộ si là giải thoát.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tôn giả khen:

–Hay lắm Thiên nữ! Thiên nữ đạt được cái gì, chứng đắc cái gì mà biện luận đến như vậy?

Thiên nữ thưa:

–Con không được, không chứng, biện luận mới như vậy. Vì nếu có được, có chứng, thì đó là kẻ tăng thượng mạn trong pháp Phật.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Thiên nữ, trong ba thừa, chí nguyện của Thiên nữ cầu thừa nào?

Thiên nữ thưa:

–Đem pháp Thanh văn mà giáo hóa chúng sinh thì con là Thanh văn, đem pháp Duyên khởi mà giáo hóa chúng sinh thì con là Duyên giác, đem pháp đại Bi mà giáo hóa chúng sinh thì con là Đại thừa. Nay, như vào rừng Chiêm-bạc thì chỉ ngửi hơi thơm hoa ấy mà không ngửi hơi thơm gì khác; vào phòng này cũng vậy, chỉ ngửi hơi thơm công đức của Phật mà không thích nghe hơi thơm công đức của Thanh văn, Duyên giác. Kính bạch Tôn giả! Đế Thích, Phạm vương, bốn Thiên vương, chư Thiên, long, quỷ thần mà vào phòng này, nghe thượng nhân chủ phòng luận thuyết về chánh pháp, thì ai cũng thích hơi thơm công đức của Phật từ phát tâm Bồ-đề vô thượng mà ra. Kính bạch Tôn giả! Con ở trong phòng này đã mười hai năm, từ đầu đến giờ không nghe nói về pháp Thanh văn, pháp Duyên giác, mà chỉ nghe nói về pháp Bồ-tát là đại Từ, đại Bi và những sự bất khả tư nghì của Phật. Kính bạch Tôn giả! Phòng này thường có tám sự hiếm có khó được. Những gì là tám sự? Phòng này, ngày cũng như đêm, thường chiếu soi bằng ánh sáng màu hoàng kim, không dùng ánh sáng của mặt trời mặt trăng, đó là sự hiếm có khó được thứ nhất. Vào phòng này thì không bị mọi sự nhơ bẩn quấy rối, đó là sự hiếm có khó được thứ hai. Phòng này thường có Đế Thích, Phạm vương, bốn Thiên vương và các vị Bồ-tát ở thế giới khác tới tụ hội luôn, đó là sự hiếm có khó được thứ ba. Phòng này thường nói sáu Ba-la-mật, các pháp bất thoái, đó là sự hiếm có khó được thứ tư. Phòng này thường tấu âm nhạc bậc nhất của chư Thiên, xuất ra vô lượng âm thanh pháp hóa, đó là sự hiếm có khó được thứ năm. Phòng này có bốn kho tàng lớn, chứa đầy vật báu chu cấp cho kẻ nghèo thiếu, cầu thì được vô tận, đó là sự hiếm có khó được thứ sáu. Phòng này có Đức Thích-ca, Đức Di-đà, Đức A-súc, Đức Bảo Đức, Đức Bảo Viêm, Đức Bảo Nguyệt, Đức Bảo Nghiêm, Đức Nan Thắng, Đức Sư Tử Hương, Đức Nhất Thế Lợi Thành, mười phương vô lượng chư Phật như vậy, thượng nhân chủ phòng nghĩ đến là các Ngài đến cho, nói rộng về kho tàng bí yếu của chư Phật, nói rồi trở về, đó là sự hiếm có khó được thứ bảy. Phòng này hiện lên cung điện của chư Thiên và tịnh độ của chư Phật, đó là sự hiếm có khó được thứ tám. Kính bạch Tôn giả! Phòng này thường thể hiện tám sự hiếm có khó được như vậy. Có ai nghe thấy những sự bất khả tư nghì như thế mà còn thích pháp Thanh văn?

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Tại sao Thiên nữ không chuyển thân nữ?

Thiên nữ thưa:

–Mười hai năm nay con tìm tướng nữ nhân không được, thì chuyển cái gì. Như nhà ảo thuật làm ra nữ nhân huyễn ảo, có người hỏi nữ nhân ấy sao không chuyển thân nữ đi, thì hỏi như vậy có đúng không?

–Không, Tôn giả trả lời, huyễn ảo không có định tướng thì chuyển cái gì.

Thiên nữ thưa:

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

–Các pháp toàn là như vậy, không có định tướng, sao Tôn giả lại hỏi con không chuyển thân nữ.

Thiên nữ tức thì dùng thần lực biến Tôn giả Xá-lợi-phất y như Thiên nữ, còn Thiên nữ tự biến y như Tôn giả Xá-lợi-phất, rồi hỏi:

–Sao Tôn giả không chuyển thân nữ?

Tôn giả, bằng hình dáng Thiên nữ, nói:

–Tôi không biết chuyển sao mà thành thân nữ!

Thiên nữ thưa:

–Nếu Tôn giả chuyển được thân nữ này thì mọi nữ nhân cũng chuyển được. Tôn giả không phải nữ nhân mà biến thể thân nữ, thì mọi nữ nhân cũng vậy, biến thể thân nữ mà không phải nữ nhân. Do vậy mà Phật đã nói các pháp phi nam, phi nữ.

Tức thì Thiên nữ thu lại thần lực, thân Tôn giả Xá-lợi-phất trở lại như cũ.

Thiên nữ hỏi:

–Sắc tướng của thân nữ bây giờ ở đâu?

Tôn giả nói:

–Sắc tướng của thân nữ không phải ở đâu, không phải không ở đâu.

Thiên nữ thưa:

–Các pháp cũng vậy, không phải ở đâu, không phải không ở đâu. Không phải ở đâu, không phải không ở đâu, đó là điều Phật nói.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Thiên nữ chết ở đây thì sinh ở đâu?

Thiên nữ thưa:

–Người do Phật biến hóa sinh ở đâu thì con sinh ở đó.

Tôn giả nói:

–Người biến hóa thì không chết và sinh.

Thiên nữ thưa:

–Chúng sinh cũng vậy, không chết và sinh.

Tôn giả hỏi:

–Thiên nữ bao lâu nữa thì đạt được Bồ-đề vô thượng?

Thiên nữ thưa:

–Bao lâu Tôn giả trở lại làm phàm phu thì con sẽ được Bồ-đề vô thượng.

Tôn giả nói:

Tôi mà ở lại làm phàm phu thì vô lý.

Thiên nữ thưa:

–Con mà được Bồ-đề cũng là vô lý. Tại sao? Vì Bồ-đề thì không có chỗ ở và vì vậy không có ai thành được.

Tôn giả nói:

–Nếu vậy, chư Phật đang được đã được sẽ được Bồ-đề, số lượng bằng hằng sa, thì nói là gì?

Thiên nữ thưa:

–Ấy toàn là lấy lời chữ phổ thông mà nói về ba thời gian, không phải là Bồ-đề có thời gian tính. Bạch Tôn giả! Tôn giả được đạo quả A-la-hán chăng?

Tôn giả nói:

–Ấy là gì không được mà được.

Thiên nữ nói:

–Chư Phật Bồ-tát cũng vậy, vì không được mà được.

Bấy giờ, Trưởng giả Duy-ma thưa với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Vị Thiên nữ này đã hiến cúng chín mươi hai ức Đức Phật, đã du hóa bằng thân thông của Bồ-tát, chí nguyện đã đủ, đã được pháp Nhẫn vô sinh, trú ở quả vị bất thoái và do bản nguyện mà tùy ý biểu hiện để giáo hóa chúng sinh.

8. Đường đi của Phật.

Bấy giờ, Đại sĩ Văn-thù hỏi Trưởng giả Duy-ma:

–Bồ-tát làm sao để thông suốt đường đi của Phật?

Trưởng giả Duy-ma thưa:

Bồ-tát đi theo những đường không phải nên đi thì gọi là thông suốt đường đi của Phật.

Hỏi:

–Bồ-tát đi theo những đường không phải nên đi là thế nào?

Đáp:

–Là làm năm tội vô gián mà lại không quấy phá, tức giận. Đến địa ngục mà lại không có các thứ nhớ bản của tội ác. Đến súc sinh mà lại không có ngu muội. Đến A-tu-la mà lại không có kiêu ngạo. Đến naga quỷ mà lại hoàn thiện công đức. Đi theo đường đi nơi cõi Sắc và Vô sắc mà lại không cho là thù thắng. Thị hiện tham dục mà lại xa rời nhiễm chấp. Thị hiện sân hận mà lại không tức giận chúng sinh. Thị hiện ngu si mà lại thuần hóa tâm tánh bằng trí tuệ. Thị hiện tham tiếc mà lại xả bỏ của trong của ngoài, tính mạng cũng không tiếc. Thị hiện phạm giới mà lại đứng yên trong tịnh giới, đến nỗi lỗi nhỏ cũng sợ lớn. Thị hiện giận dữ mà lại thường Từ bi, ẩn nhẫn. Thị hiện biếng nhác mà lại nỗ lực tu tập công đức. Thị hiện loạn động mà lại thường xuyên chánh niệm, chánh định. Thị hiện ngu si mà lại thông suốt trí tuệ thế gian, xuất thế gian. Thị hiện đua nịnh dối trá mà lại khéo léo sử dụng phương tiện, tùy theo ý nghĩa trong kinh. Thị hiện kiêu ngạo mà lại đối với chúng sinh thì in như cầu đường. Thị hiện phiền não mà lại tâm thường thanh tịnh. Thị hiện quân ma mà lại thuận với trí tuệ của Phật, không theo sự chỉ dạy của người khác. Thị hiện Thanh văn mà lại nói cho chúng sinh những pháp chưa nghe. Thị hiện Duyên giác mà lại thành tựu đại Bi, giáo hóa chúng sinh. Thị hiện bần cùng mà lại có bàn tay ngọc, công đức vô tận. Thị hiện thân hình tối tàn mà lại đủ các tướng hảo để tự trang nghiêm. Thị hiện thấp kém mà lại sinh trong dòng giống của Phật, đủ mọi công đức. Thị hiện ốm yếu, xấu xí mà lại được thân Na-la-diên, chúng sinh ai cũng thích nhìn. Thị hiện già bệnh mà lại vĩnh viễn chặt đứt gốc rễ của bệnh tật, vượt khỏi sự sợ hãi về chết. Thị hiện có tài sản mà lại thường xét vô thường, thật sự không ham gì cả. Thị hiện có vợ, có thiếp, có thể nữ, mà lại thường rời xa bùn lầy của năm dục. Thị hiện đần độn mà lại thành tựu hùng biện, nhớ hết không quên. Thị hiện sự cứu vớt theo pháp tà mà lại cứu vớt chúng sinh bằng chánh pháp. Thị hiện nhập vào sinh tử mà lại cắt đứt nhân tố sinh tử. Thị hiện nhập Niết-bàn mà lại không cắt đứt sinh tử. Kính bạch Đại sĩ Văn-thù! Bồ-tát có năng lực đi theo những đường không phải nên đi như vậy là thông suốt đường đi của Phật.

Lúc ấy, Trưởng giả Duy-ma hỏi Đại sĩ Văn-thù:

–Thế nào là hạt giống của Phật?

Đại sĩ Văn-thù nói:

–Thân thể hiện hữu là giống của Phật, vô minh với ái làm giống của Phật, tham, sân, si là giống của Phật, bốn thứ điên đảo là giống của Phật, năm sự che phủ là giống

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

của Phật, sáu nhập là giống của Phật, bảy thức xứ là giống của Phật, tám tà là giống của Phật, chín não là giống của Phật, mười nghiệp ác là giống của Phật. Nói tổng quát thì sáu mươi hai kiến chấp và hết thảy phiền não là giống của Phật.

Hỏi:

–Đại sĩ nói như vậy là thế nào?

Đáp:

–Là nếu thấy vô vi, nhập chính vị, thì không còn phát tâm Bồ-đề vô thượng được nữa. Đất liền vùng cao không thể mọc lên hoa sen, bùn lầy thấp ướt mới mọc hoa ấy; như vậy thấy vô vi, nhập chính vị, thì không bao giờ còn sinh ra những phẩm chất của Phật, mà trong bùn lầy phiền não mới sinh khởi những phẩm chất ấy. Gieo giống trong không thì không bao giờ mọc cây, gieo vào đất bản mới mọc tốt tươi; thấy vô vi, nhập chính vị, thì không sinh ra những phẩm chất của Phật, mà chấp ngã như núi Tu-di đi nữa cũng vẫn phát được tâm Bồ-đề vô thượng, sinh ra những phẩm chất ấy. Do vậy, mọi phiền não là giống của Như Lai. Không vào biển cả thì không được ngọc vô giá, không vào biển cả phiền não thì không được ngọc Nhất thế trí.

Tôn giả Đại Ca-diếp tán dương:

–Lành thay! Lành thay! Đại sĩ Văn-thù nói lời ấy thật là thú vị. Đúng như Đại sĩ nói, phiền não là giống của Như Lai. Chúng tôi ngày nay không kham nổi việc phát tâm Bồ-đề vô thượng. Đến nỗi kẻ tạo năm tội vô gián mà vẫn còn có thể phát tâm Bồ-đề vô thượng và sinh ra những phẩm chất của Phật, nhưng chúng tôi thì vĩnh viễn không thể. Kẻ giác quan bại liệt thì không còn được hưởng gì về năm dục, hàng Thanh văn đoạn tuyệt kết sử thì trong pháp Phật không còn ích gì: vĩnh viễn không có chí nguyện gì nữa. Do vậy, kính bạch Đại sĩ Văn-thù! Phàm phu mà báo đáp được ân Phật, còn Thanh văn thì không thể. Tại sao, vì phàm phu nghe nói những phẩm chất của Phật thì phát tâm Bồ-đề vô thượng, làm cho Tam bảo không bị đứt mất. Còn Thanh văn thì dẫu trọn đời nghe những phẩm chất của Phật như Lực, Vô úy..., cũng vĩnh viễn không thể phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Bấy giờ, trong đại hội có vị Bồ-tát danh hiệu là Phổ Hiện Sắc Thân, hỏi Trưởng giả Duy-ma:

–Thưa trưởng giả! Ai là cha mẹ, vợ con, bà con thân thích, người giúp việc, kẻ quen biết của trưởng giả? Tôi tớ gia nhân, voi ngựa xe cộ của trưởng giả đâu cả?

Trưởng giả Duy-ma trả lời bằng kệ sau đây:

*Trí độ: mẹ Bồ-tát
Phương tiện ấy là cha
Những vị thầy của người
Đều do đó mà sinh.
Pháp lạc ấy là vợ
Từ bi là con gái
Chân thành là con trai
Nhà là không tuyệt đối.
Phiền não là đệ tử
Tùy ý mà chuyển hóa
Giác phần: tri thức thiện
Do đó thành Chánh giác.
Sáu độ: bạn đồng hành*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Bốn Nhiếp là kỹ nữ
Ca tụng các lời pháp
Thì lấy làm âm nhạc.
Tổng trì là hoa viên
Pháp vô lậu: cây rừng
Giác chi là bông hoa
Trái: giải thoát, trí tuệ.
Tám giải thoát: ao hồ
Nước định trong và đầy
Rải bầy thứ hoa tịnh
Tắm cho người không bẩn.
Voi ngựa là năm thông
Đại thừa là xe cộ
Điều khiển: tâm bồ-đề
Dạo đi đường tám chánh.
Tướng thì làm đẹp người
Hảo thì làm đẹp dáng
Hổ thẹn là thượng phục
Tâm sâu xa: vòng hoa.
Bảy Thánh tài: vàng ngọc
Dạy bảo để lời thêm
Làm như nói, hồi hướng
Thì lấy làm lợi lớn.
Bốn thiền là giường ghế
Sống trong sạch mà có
Đa văn với trí tuệ
Là tiếng tự đánh thức.
Ăn cơm pháp cam lộ
Uống nước mùi giải thoát
Tắm rửa bằng tâm tịnh
Xoa mình bằng giới pháp.
Tiêu diệt giặc phiền não
Dũng mãnh không ai bằng
Chiến thắng bốn quân ma
Thượng cờ Bồ-đề tràng.
Chúng ngộ không sinh diệt
Thị hiện nên thọ sinh
Hiện khắp mọi thế giới
Như mặt trời soi khắp.
Hiển cúng khắp mười phương
Vô số ức Như Lai
Như thân mình thân Phật
Không có ý phân biệt.
Thế giới với chúng sinh
Tuy biết toàn là không

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Nhưng thường tu tịnh độ
Giáo hóa cho muôn loài.
Sắc thanh và cử động
Của bao loại chúng sinh
Bồ-tát lực vô úy
Một lúc hiện đầy đủ.
Biết đó là việc ma
Vẫn thị hiện làm cả
Trí phương tiện khéo léo
Tùy ý hiện được hết.
Hoặc hiện già, bệnh, chết
Tác thành cho chúng sinh
Biết toàn như huyễn ảo
Nên không e ngại gì.
Hiện lửa cháy kiếp tận
Trời đất đều đổ rục
Vì người tưởng thường còn
Hiện cho biết vô thường.
Vô số vạn ức người
Cùng đến mời Bồ-tát
Bồ-tát cùng đến cả
Làm cho hướng Phật tuệ.
Lý thuyết cùng chú thuật
Công nghệ với kỹ thuật
Thị hiện làm hết thấy
Lợi ích cho quần sinh.
Các đạo giáo thế gian
Đều đi tu trong đó
Để giải trừ sai lầm
Không phải sa tà kiến.
Thị hiện thần Thái dương
Cùng với thần Thái âm
Là thị hiện Phạm vương
Tự xưng chủ thế giới
Hoặc hiện đất với nước
Cũng hiện gió và lửa.
Thời kỳ bệnh truyền nhiễm
Thì hiện các dược liệu
Ai dùng dược liệu ấy
Hết bệnh hết chất độc.
Thời kỳ bệnh đói khát
Hiện làm vật uống ăn
Trước hết cứu đói khát
Rồi nêu giảng pháp Phật.
Thời kỳ có chinh chiến*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Thì phát khởi tâm Từ
Giáo hóa cho chúng sinh
Khiến đừng có tranh chấp.
Khi đại chiến xảy ra
Thì làm cho cân sức
Và hiện oai thế lớn
Hòa giải cho hòa bình.
Trong tất cả thế giới
Chỗ nào có địa ngục
Thì đi ngay đến đó
Cứu vớt mọi khổ não.
Trong tất cả thế giới
Súc vật nhai nuốt nhau
Cũng hiện đến nơi ấy
Tạo ích lợi cho chúng.
Thị hiện hưởng năm dục
Nhưng cũng hiện tu thiền
Làm ma vương bối rối
Không tìm được cơ hội.
Trong lửa sinh hoa sen
Mới đáng gọi hiếm có
Tu thiền trong dục lạc
Cũng hiếm có như thế.
Hoặc hiện làm dâm nữ
Dẫn dụ kẻ háo sắc
Trước móc kéo bằng dục
Sau dẫn vào đường Phật.
Hoặc làm chủ thị thành
Hoặc cầm đầu thương mại
Làm quốc sư, đại thần
Để che chở cho người.
Với bao người khốn cùng
Thì hiện kho vô tận
Nhân đó mà khuyên bảo
Cho phát tâm Bồ-đề.
Với những kẻ ngã mạn
Thì hiện đại lực sĩ
Trừ khử sự cao ngạo
Đem vào đạo tối thượng.
Ai lâm cảnh sợ hãi
Đến trước họ an ủi
Trước ban sự không sợ
Sau làm cho phát tâm.
Hoặc hiện xa dâm dục
Làm tiên nhân năm thông

Mở, dẫn cho muôn loài
Trụ nơi giới, nhân, từ.
Thấy ai cần cung phụng
Thị hiện làm tôi tớ
Cho họ đẹp dạ rồi
Sau làm cho phát tâm.
Ai cần dùng những gì
Để được nhập Phật đạo
Thì đem lực phương tiện
Mà cung cấp đủ cả.
Đường đi này vô tận,
Chốn hành không bến bờ
Trí tuệ thật vô biên
Độ thoát vô số người.
Giả sử hết thấy Phật
Trải qua vô lượng kiếp
Khen ngợi công đức ấy
Còn không thể cùng tận!
Ai nghe đường đi này
Không phát tâm Bồ-đề?
Trừ kẻ không xứng đáng
Tối tăm không trí tuệ!

9. Hội nhập pháp môn bất nhị.

Bấy giờ, Trưởng giả Duy-ma thưa với các vị Bồ-tát:

–Kính bạch các Đại sĩ! Bồ-tát nhập vào pháp môn bất nhị như thế nào, xin các vị tùy theo chỗ ưa thích mà nói ra.

Trong đại hội:

Bồ-tát Pháp Tự Tại nói:

–Sinh với diệt là hai, pháp vốn không sinh thì nay không diệt, được pháp Nhân vô sinh như vậy, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Đức Thủ nói:

–Ngã với ngã sở là hai, nhưng có ngã thì có ngã sở, không ngã thì không ngã sở, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Bất Tuân nói:

–Cảm thụ với không cảm thụ là hai, nhưng nếu pháp không cảm thụ thì không thủ đắc, vì không thủ đắc nên không lấy không bỏ, không làm không đi, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Đức Đỉnh nói:

–Dơ với sạch là hai, nhưng thấy được thật tánh của sự dơ thì cũng không có sự sạch, tùy thuận với sự diệt, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Thiện Tú nói:

–Động với nghỉ là hai, nhưng không động thì không nghỉ, không nghỉ thì không phân biệt, thông suốt như vậy ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Thiện Nhân nói:

–Một tướng với không tướng là hai, nhưng nếu biết một tướng là không tướng,

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

cũng không chấp giữ không tướng, thể nhập bình đẳng, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Diệu Tý nói:

– Tâm Bồ-tát với tâm Thanh văn là hai, nhưng xét thật tánh của tâm là không, in như ảo hóa, thì không tâm Bồ-tát không tâm Thanh văn, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Phát-sa nói:

– Thiện với ác là hai, nhưng không dấy khởi thiện ác, thể nhập vô tướng mà thông suốt, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Sư Tử nói:

– Tội với phước là hai, nhưng nếu đạt được thật tánh của tội thì thấy không khác phước, đem tuệ kim cương mà xác quyết trạng thái này, không buộc không mở, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Sư Tử Ý nói:

– Hữu lậu với vô lậu là hai, nhưng nếu thấy được các pháp bình đẳng thì không khởi lên ý tưởng hữu lậu vô lậu, không vướng mắc nơi tướng, cũng không trú ở nơi vô tướng, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Tịnh Giải nói:

– Hữu vi với vô vi là hai, nhưng nếu tách rời số lượng thì tâm như hư không, trí tuệ thanh tịnh không có trở ngại, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Na-la-diên nói:

– Thế gian với xuất thế gian là hai, nhưng tánh không của thế gian tức là xuất thế, trong đó không vào không ra, không đầy tràn không tản mạn, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Thiện Ý nói:

– Sinh tử với Niết-bàn là hai, nhưng thấy được thật tánh của sinh tử thì không sinh không tử, không buộc không mở, không sinh không diệt, hiểu như vậy ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Hiện Kiến nói:

– Tận với bất tận là hai, nhưng cứu cánh của các pháp thì tận với bất tận toàn là vô tận, vô tận là không, không thì không có tận với bất tận, ngộ nhập như vậy ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Phổ Thủ nói:

– Ngã với vô ngã là hai, nhưng ngã còn không thể thủ đắc, vô ngã làm sao thủ đắc, thấy thật tánh của ngã thì không còn khởi lên ý niệm nhị biên, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Lôì Thiên nói:

– Minh với vô minh là hai, nhưng thật tánh của vô minh chính là minh, minh cũng không thể nắm lấy, siêu việt số lượng, ở đây bình đẳng, không hai, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Hỷ Kiến nói:

– Sắc với sắc không là hai, nhưng sắc là không, không phải sắc diệt mới không, mà là tánh của sắc tự không, như vậy thọ tướng hành thức, thức với thức không là hai, thức là không, không phải thức diệt mới không, mà là tánh của thức tự không, trong đây thông suốt, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Bồ-tát Minh Tướng nói:

–Bốn đại với không là hai, nhưng thật tánh của bốn đại tức là thật tánh của không: tối sơ và tối hậu đã không thì trung gian cũng không; biết thật tánh của đại và không là như vậy ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Diệu Ý nói:

–Nhân với sắc là hai, nhưng nếu biết nhân đối với sắc không tham, sân, si, đó là tịch diệt, như vậy nhĩ với thanh, tử với hương, thiệt với vị, thân với xúc, ý với pháp là hai, nếu biết ý đối với pháp không tham, sân, si, đó là tịch diệt, sống trong đó ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Vô Tận Ý nói:

–Bố thí với hồi hướng nhất thế trí là hai, nhưng thật tánh của bố thí là thật tánh của hồi hướng nhất thế trí, như vậy trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ với hồi hướng nhất thế trí là hai, thật tánh của trí tuệ là thật tánh của hồi hướng nhất thế trí, trong đó nhập vào sự đồng nhất, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Thâm Tuệ nói:

–Không, vô tướng, vô tác là hai, nhưng không là vô tướng, vô tướng là vô tác, nếu không vô tướng, vô tác, thì không tâm ý thức, một cửa giải thoát là ba cửa giải thoát, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Tịch Căn nói:

–Phật, Pháp, Tăng là hai, nhưng Phật là Pháp, Pháp là Tăng, Tam bảo như vậy toàn là vô vi, đồng đẳng với không gian, tất cả các pháp cũng là như vậy và thuận hành như thế ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Tâm Vô Ngại nói:

–Thân với thân diệt là hai, nhưng thân là thân diệt, tại sao, vì thấy thật tánh của thân thì không dấy khởi sự thấy thân và sự thấy thân diệt, thân với thân diệt là không hai, chẳng phân biệt, trong đó không kinh không sợ, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Thượng Thiện nói:

–Nghiệp thiện nơi thân khẩu ý là hai, nhưng ba nghiệp toàn là thật tánh của vô tác, thân vô tác là khẩu vô tác, khẩu vô tác là ý vô tác, ba nghiệp vô tác là các pháp vô tác, tùy thuận trí tuệ vô tác như vậy ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Phước Điền nói:

–Hành phước, hành tội, hành bất động là hai, nhưng ba hành ấy thật tánh là không, không thì không hành phước, không hành tội, không hành bất động, ba hành mà không còn khởi dấy, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Hoa Nghiêm nói:

–Từ ngã mà khởi lên nhị biên là hai, nhưng thấy thật tánh của ngã thì không khởi lên nhị biên, không khởi lên nhị biên thì không nhận thức: không nhận thức ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Đức Tạng nói:

–Có thủ đắc là hai, nhưng không thủ đắc thì không lấy, không bỏ, không lấy không bỏ ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Nguyệt Thượng nói:

–Tối với sáng là hai, nhưng không tối không sáng thì không có nhị biên, tại sao, vì như nhập định diệt tận thì không tối không sáng, thật tánh của các pháp cũng là như vậy, trong đó bình đẳng hội nhập, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Bảo Ấn Thủ nói:

–Thích Niết-bàn với chán thế gian là hai, không thích Niết-bàn, không chán thế gian, thế là bất nhị, tại sao, vì có buộc thì có mở, nếu vốn không buộc thì ai cần mở, mà không buộc không mở thì không thích không chán, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Châu Đỉnh Vương nói:

–Đường chánh với đường tà là hai, nhưng sống theo đường chánh thì không phân biệt đây là tà đây là chánh, thoát ly nhị biên ấy, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Lạc Thật nói:

–Thật với không thật là hai, nhưng thật còn không thấy là thật, hướng chi là không thật, tại sao, vì đó không phải mắt thịt thấy mà là mắt tuệ thấy, nhưng mắt tuệ thì không thấy không không thấy, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Các vị Bồ-tát mỗi người nói rồi, hỏi Đại sĩ Văn-thù:

–Thế nào là Bồ-tát nhập vào pháp môn bất nhị?

Đại sĩ Văn-thù nói:

–Theo ý tôi thì đối với các pháp không nói, không nêu, không chỉ, không biết, siêu việt mọi nẻo vấn đáp, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Đại sĩ Văn-thù hỏi Trưởng giả Duy-ma:

–Chúng tôi đã nói cả rồi, trưởng giả cũng nên nói, thế nào là Bồ-tát nhập vào pháp môn bất nhị?

Trưởng giả Duy-ma lặng thinh, không nói gì cả.

Đại sĩ Văn-thù khen:

–Lành thay! Lành thay! Đến nỗi không cả văn tự ngôn ngữ, mới thật là nhập vào pháp môn bất nhị.

Khi nói về phẩm Nhập vào pháp môn bất nhị này thì trong đại hội có năm ngàn vị Bồ-tát nhập vào pháp môn bất nhị, thực hiện pháp Nhẫn vô sinh.

10. Đức Phật Hương Tích.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất trong tâm suy nghĩ: “Sắp đến đứng bóng, các vị Bồ-tát này sẽ thọ thực ở đâu?” Trưởng giả Duy-ma biết ý nghĩ ấy nên thưa:

–Phật dạy tám pháp Giải thoát, Tôn giả thực hành, vậy có thể chen việc ăn vào sự nghe pháp chăng? Tuy nhiên, Tôn giả nghĩ đến sự ăn thì xin chờ chốc lát, con sẽ làm cho Tôn giả được thực phẩm rất hiếm có.

Trưởng giả Duy-ma tức thì nhập vào chánh định, dùng diệu lực của thần thông thị hiện cho đại hội thấy khu vực Thiên đỉnh, quá bốn mươi hai hàng sa thế giới, có thế giới tên là Chúng hương, Đức Phật giáo chủ hiệu là Hương Tích, hiện đang tồn tại. Hơi thơm của thế giới này là bậc nhất so với hương liệu của nhân loại và chư Thiên trong mười phương thế giới. Thế giới này không có đến cả cái tên Thanh văn, Duyên giác, chỉ có chúng Đại Bồ-tát thanh tịnh và được Phật Hương Tích thuyết pháp cho. Thế giới ấy toàn dùng hương thơm làm lầu đài. Kinh hành trên đất thơm. Hoa viên toàn là hương thơm. Hơi thơm nơi thực phẩm của thế giới này thì tràn cả mười phương vô lượng thế giới. Bấy giờ là lúc Phật với chúng Bồ-tát của thế giới ấy đang cùng thọ thực. Có các Thiên nhân cùng tên Hương Nghiêm, cùng phát tâm Bồ-đề vô thượng, đang hiến cúng Phật và chúng Bồ-tát của thế giới ấy. Đại hội ở đây không ai không nhìn thấy như vậy.

Trưởng giả Duy-ma hỏi các vị Bồ-tát:

–Thưa các Đại sĩ! Ai có thể đến lấy cơm của Đức Phật Hương Tích?

Do thần lực của Đại sĩ Văn-thù, ai cũng lặng thinh. Trưởng giả Duy-ma thưa Đại sĩ

Văn-thù:

–Đại chúng này thật đáng xấu hổ.

Đại sĩ Văn-thù nói:

–Như Phật đã dạy, đừng làm kinh động những người tu học chưa thấu đáo.

Trưởng giả Duy-ma tức thì không rời chỗ ngồi mà hóa hiện một vị Bồ-tát đứng trước mặt đại hội, với tướng hảo, ánh sáng và uy đức đều siêu việt, làm mờ cả đại hội và bảo:

–Ông hãy đến khu vực Thiên đỉnh, quá bốn mươi hai hàng sa thế giới, có thế giới tên Chúng hương, Đức Phật giáo chủ hiệu là Hương Tích, đang thọ thực với chúng Đại Bồ-tát của thế giới ấy. Ông đến đó, tác bạch đúng như lời tôi: Cư sĩ Duy-ma kính lạy dưới chân Thế Tôn, tôn kính vô lượng, hỏi thăm Ngài sinh hoạt bình thường, ít bệnh ít phiền, khí lực yên vui chăng? Xin được phần thừa nơi thực phẩm của Đức Thế Tôn để về làm việc Phật ở thế giới Sa-bà, là khiến cho những người ưa thích pháp nhỏ đều được đạo lớn, cũng để làm cho danh tiếng của Thế Tôn được nghe đến ở đây.

Vị Bồ-tát hóa thân tức thì ở trước đại hội mà thăng lên Thiên đỉnh, cả chúng hội đều thấy. Lên tới thế giới Chúng hương, vị Bồ-tát hóa thân kính lạy dưới chân Đức Phật Hương Tích và cả đại hội đều nghe lời nói của vị Bồ-tát ấy: Cư sĩ Duy-ma kính lạy dưới chân Thế Tôn, tôn kính vô lượng, hỏi thăm Ngài sinh hoạt bình thường, ít bệnh ít phiền, khí lực yên vui chăng? Xin được phần thừa nơi thực phẩm của Đức Thế Tôn để về làm việc Phật ở thế giới Sa-bà, là khiến cho những người ưa thích pháp nhỏ đều được đạo lớn, cũng để làm cho danh tiếng của Thế Tôn được nghe đến ở đây.

Các vị Đại sĩ ở thế giới Chúng hương thấy vị Bồ-tát hóa thân thì khen là hiếm có và hỏi: “Vị Thượng nhân này từ đâu đến đây? Thế giới Sa-bà ở đâu? Thế nào gọi là người ưa thích pháp nhỏ?” Họ hỏi Đức Phật Hương Tích.

Ngài nói: “Ở Thiên đế, cách đây bốn mươi hai hàng sa thế giới, có thế giới tên Sa-bà, Đức Phật giáo chủ hiệu Thích-ca Mâu-ni, hiện đang tồn tại. Ngài ở trong giai đoạn dữ dội, đầy cả năm thứ uế trước, diễn giảng chánh pháp cho những người ưa thích chánh pháp thấp nhỏ. Thế giới Sa-bà có vị Bồ-tát tên Duy-ma, sống trong sự giải thoát Bất khả tư nghì, thuyết pháp cho các vị Bồ-tát, nên phái hóa thân lên đây, tán dương danh hiệu và thế giới của Như Lai để làm cho các vị Bồ-tát ở thế giới ấy tăng tiến công đức.”

Các vị Bồ-tát ở thế giới Chúng hương nói: “Bồ-tát Duy-ma là người như thế nào mà hóa thân được như vậy? Công đức, năng lực và thần thông ra sao?”

Đức Phật Hương Tích nói: “Rất lớn, mười phương ở đâu Bồ-tát Duy-ma cũng sai hóa thân đến đó để thi hành việc Phật, tạo lợi ích cho chúng sinh.”

Đức Phật Hương Tích liền lấy bát thơm đựng đầy cơm thơm, đưa cho Bồ-tát hóa thân. Lúc ấy chín trăm vạn Bồ-tát của thế giới Chúng hương cùng nói: “Chúng con muốn đến thế giới Sa-bà để hiến cúng Đức Thế Tôn Thích-ca và hội kiến với Đại sĩ Duy-ma và với các vị Bồ-tát.”

Đức Phật Hương Tích nói: “Nên đi đi. Nhưng phải thu hơi thơm nơi thân thể của các vị, đừng để người của thế giới Sa-bà dấy khởi mê hoặc, tham đắm. Lại nên bỏ hình cũ của các vị, đừng để những người cầu đạo Bồ-tát ở thế giới Sa-bà tự khinh, xấu hổ. Các vị cũng đừng khinh thế giới Sa-bà mà tạo chướng ngại cho mình, tại sao, vì mười phương thế giới toàn như hư không, với lại chư Phật hóa độ cho những người ưa thích chánh pháp thấp nhỏ thì không thể hiện hết tịnh độ của mình.”

Vị Bồ-tát hóa thân lãnh nhận bát cơm rồi cùng chín trăm vạn Bồ-tát của thế giới

Chúng hương, nhờ thần lực của Đức Phật Hương Tích và của Trưởng giả Duy-ma nên trong chốc lát biến mất khỏi thế giới Chúng hương và hiện đến phòng của Trưởng giả Duy-ma. Trưởng giả biến hóa ra chín trăm vạn tòa Sư tử đẹp như những tòa Sư tử đã có. Các vị Bồ-tát của thế giới Chúng hương đều ngồi trên ấy. Vị Bồ-tát hóa thân đưa bát cơm thơm cho Trưởng giả Duy-ma, hương thơm khắp cả thành Tỳ-da-ly và đại thiên thế giới.

Bấy giờ, trong thành Tỳ-da-ly, Bà-la-môn, cư sĩ..., nghe hơi thơm ấy thì cả thân và tâm đều thích thú, ai cũng tán dương là chưa hề có. Chủ trưởng giả là Trưởng giả Nguyệt Cái và tám mươi bốn ngàn người, cùng đến phòng của Trưởng giả Duy-ma, thấy trong phòng Bồ-tát rất nhiều, các tòa Sư tử rất đẹp, ai cũng đại hoan hỷ, lạy các vị Bồ-tát và các vị đại đệ tử của Phật, rồi đứng qua một phía. Các vị thần đất, thần hư không, chư Thiên cõi Dục và cõi Sắc, nghe hơi thơm thì ai cũng đến phòng của Trưởng giả Duy-ma.

Trưởng giả Duy-ma thưa với Tôn giả Xá-lợi-phất và các vị đại Thanh văn:

–Xin các vị thọ thực. Cơm vị cam lộ này của Như Lai là do đại Bi xông ướp, vậy xin đừng đem cái ý thức hữu hạn mà thọ thực, khiến không thể tiêu được.

Có vị Thanh văn nghĩ: “Cơm này ít thế, làm sao cả đại chúng ai cũng thọ thực.”

Vị Bồ-tát hóa thân thưa:

–Xin Tôn giả đừng đem cái đức nhỏ và cái trí nhỏ mà ước lượng về đức vô lượng và tuệ vô lượng của Đấng Như Lai. Bốn biển có thể khô hết mà cơm này vẫn vô tận. Giả sử có ai ăn mỗi vắt bằng núi Tu-di thì ăn đến một kiếp cũng không hết được. Tại sao, vì thực phẩm dư ra của đấng giới vô tận, định vô tận, tuệ vô tận, giải thoát vô tận và giải thoát tri kiến vô tận, thì không bao giờ cùng tận. Thế rồi cơm trong bát ấy làm no đủ cả đại hội mà vẫn không hết.

Các vị Bồ-tát, Thanh văn, chư Thiên, người, ai ăn cơm ấy thân cũng được diệu lạc tựa như các vị Bồ-tát ở thế giới Nhất thế lạc trang nghiêm. Những lỗ chân lông của họ cũng xuất ra hơi thơm tinh tế, tựa như hơi thơm các thứ cây của thế giới Chúng hương.

Lúc ấy, Trưởng giả Duy-ma hỏi các vị Bồ-tát ở thế giới Chúng hương:

–Đức Như Lai Hương Tích thuyết pháp bằng gì?

Các vị Bồ-tát ấy nói:

–Đức Như Lai của thế giới chúng tôi không nói bằng lời chữ, chỉ dùng hương thơm mà làm cho chư Thiên, Nhân loại đều nhập vào chánh pháp. Các vị Bồ-tát ở thế giới chúng tôi cùng ngồi bên cây hương thơm, nghe hương thơm tinh tế ấy thì thể hiện chánh định Nhất thế đức tạng. Thể hiện chánh định này thì bao nhiêu phẩm chất của Bồ-tát đều hoàn hảo cả.

Các vị Bồ-tát của thế giới Chúng hương hỏi Trưởng giả Duy-ma:

–Đức Thế Tôn Thích-ca thuyết pháp bằng gì?

Trưởng giả Duy-ma nói:

–Thế giới này chúng sinh rất khó giáo hóa, nên Đức Phật ở đây phải dùng lời nói cứng cõi để chế ngự thuần hóa họ. Rằng đây là địa ngục, đây là súc sinh, đây là ngạ quỷ, đây là những chỗ tai nạn, đây là chỗ người ngu si đến; đây là hành tà của thân, đây là quả báo từ hành tà của thân, đây là hành tà của miệng, đây là quả báo từ hành tà của miệng, đây là hành tà của ý, đây là quả báo từ hành tà của ý; đây là sát sinh, đây là quả báo của sát sinh, đây là trộm cắp, đây là quả báo của trộm cắp, đây là tà dâm, đây là quả báo của tà dâm, đây là vọng ngữ, đây là quả báo của vọng ngữ, đây là lưỡng thiệt,

đây là quả báo của lưỡng thiệt, đây là ác khẩu, đây là quả báo của ác khẩu, đây là ý ngữ, đây là quả báo của ý ngữ, đây là tham lam, đây là quả báo của tham lam, đây là sân hận, đây là quả báo của sân hận, đây là tà kiến, đây là quả báo của tà kiến; đây là keo kiệt, đây là quả báo của keo kiệt, đây là phá giới, đây là quả báo của phá giới, đây là giận dữ, đây là quả báo của giận dữ, đây là biếng nhác, đây là quả báo của biếng nhác, đây là ý loạn, đây là quả báo của ý loạn, đây là ngu si, đây là quả báo của ngu si; đây là kết giới, đây là giữ giới, đây là phạm giới, đây là đáng làm, đây là không đáng làm, đây là chướng ngại, đây là không chướng ngại, đây là bị tội, đây là rời tội, đây là sạch, đây là bẩn, đây là hữu lậu, đây là vô lậu, đây là tà đạo, đây là chánh đạo, đây là hữu vi, đây là vô vi, đây là thế gian, đây là Niết-bàn. Người khó hóa cải thì tâm họ như vượn như khỉ, nên phải áp dụng bao nhiêu cách nói ấy mới chế ngự khiến cho tâm họ được thuần hóa. Voi ngựa hung hăng thì phải làm đau đến xương cốt, sau đó mới thuần. Chúng sinh ương bướng khó hóa cải, nên phải dùng mọi lời nói đắng cay, đau đớn mới làm cho họ nhập vào chánh pháp.

Các vị Bồ-tát của thế giới Chúng hương nghe nói như vậy thì cho thật là hiếm có và nói:

–Như Đức Thế Tôn Thích-ca mà phải ẩn đi vô lượng năng lực tự tại, đem giáo pháp của người nghèo kém ưa thích để hóa độ họ. Các vị Bồ-tát ở thế giới này cũng lao nhọc, khiếm tốn, sinh trong thế giới này bằng tâm đại Bi vô lượng.

Trưởng giả Duy-ma nói:

–Thế giới này, các vị Bồ-tát đối với chúng sinh luôn có tâm đại Bi thật kiên cố, đúng như các vị đã nói. Nhưng các vị Bồ-tát ở thế giới này tạo lợi ích cho chúng sinh một đời cũng hơn cả trăm ngàn đời của thế giới các vị. Tại sao, vì thế giới Sa-bà này có mười pháp thiện mà các thế giới thanh tịnh khác không có. Mười pháp thiện ấy là gì? Là đem bố thí mà thu phục nghèo nàn, đem tịnh giới mà thu phục phạm giới, đem nhẫn nhục mà thu phục sân hận, đem tinh tấn mà thu phục biếng nhác, đem thiền định mà thu phục loạn ý, đem trí tuệ mà thu phục ngu si, nói các pháp dứt trừ tai nạn để cứu vớt những kẻ bị tám nạn, đem pháp Đại thừa cứu độ những kẻ ưa thích pháp nhỏ, đem căn lành cứu vớt những kẻ vô phước, đem bốn Nhiếp pháp tác thành cho chúng sinh. Đó là mười pháp thiện.

Các vị Bồ-tát của thế giới Chúng hương nói:

–Bồ-tát thành tựu được bao nhiêu pháp thì sống trong thế giới này một cách không bị thương tổn mà sinh các cõi tịnh?

Trưởng giả Duy-ma nói:

–Thành tựu tám pháp thì Bồ-tát sống trong thế giới này không bị thương tổn mà sinh các cõi tịnh. Tám pháp ấy là gì? Là (một), tạo lợi ích cho chúng sinh mà không trông mong báo đáp; (hai), thay chúng sinh mà chịu mọi khổ não, công đức làm ra đem cho chúng sinh cả; (ba), tâm ý bình đẳng đối với chúng sinh, khiếm tốn vô ngại; (bốn), coi các vị Bồ-tát khác như Phật; (năm), kinh pháp chưa nghe thì nghe mà không hoài nghi; (sáu), không chống đối các vị Thanh văn, không ganh ghét sự được hiển cúng của người khác và không tự cao về lợi lộc của mình; (bảy), thuần hóa tâm mình, thường xét lỗi mình mà không nêu dẫn khuyết điểm của người; (tám), thường xuyên nhất tâm mà cầu công đức. Đó là tám pháp.

Trong đại hội, khi Trưởng giả Duy-ma và Đại sĩ Văn-thù nói pháp này thì có trăm ngàn trời, người phát tâm Bồ-đề vô thượng, mười ngàn Bồ-tát được pháp Nhẫn vô sinh.

11. Việc làm của Bồ-tát.

Khi ấy, Đức Thế Tôn thuyết pháp ở lâm viên Yêm-ma-la. Vườn này bỗng nhiên rộng ra, đẹp lên, toàn thể đại hội đều thành màu sắc hoàng kim.

Tôn giả A-nan thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì lý do nào mà có hiện tượng tốt đẹp như vậy, là vườn này bỗng nhiên rộng ra và đẹp lên, tất cả đại hội đều thành màu sắc hoàng kim?

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Ấy là Trưởng giả Duy-ma và Đại sĩ Văn-thù, cùng đại chúng cung kính bao quanh, ý muốn đến đây, nên trước hết hiện ra điềm lành như vậy.

Trưởng giả Duy-ma thưa với Đại sĩ Văn-thù:

–Hãy cùng nhau đến yết kiến Đức Thế Tôn, cùng chư Bồ-tát lễ bái hiến cúng.

Đại sĩ Văn-thù nói:

–Tốt lắm, hãy đi đi. Bây giờ là lúc thích hợp.

Trưởng giả Duy-ma tức thì vận dụng thần lực, nâng cả đại hội, cùng với các tòa Sư tử, đặt trong bàn tay phải, đi đến chỗ Đức Thế Tôn. Đến rồi, quỳ gối sát đất, kính lạy ngang chân Ngài, đi quanh Ngài bảy vòng, chuyên chú, chấp tay, đứng về một phía. Các vị Bồ-tát cũng đều rời khỏi tòa Sư tử, lạy ngang chân Phật, rồi cũng đi quanh Ngài bảy vòng và đứng về một phía. Các vị đại đệ tử, Đế Thích, Phạm vương, bốn Thiên vương..., cũng đều rời khỏi tòa Sư tử, lạy ngang chân Phật, đứng về một phía.

Đức Thế Tôn đứng phép an ủi hỏi han các vị Bồ-tát rồi, bảo ngồi lại như cũ. Tất cả đều vâng lời. Đại chúng ngồi yên xong, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Tôn giả đã thấy việc làm từ thần lực tự tại của Bồ-tát Đại sĩ chưa?

–Bạch Thế Tôn! Con đã thấy.

–Vậy ý Tôn giả nghĩ thế nào?

–Bạch Thế Tôn! Con thấy thật là chẳng thể nghĩ bàn, ý không ngờ tới, trí không lường nổi.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con nghe có hơi thơm mà trước đây chưa có, hương thơm ấy là gì?

Đức Thế Tôn dạy Tôn giả A-nan:

–Đó là hơi thơm xuất ra từ những lỗ chân lông của các vị Bồ-tát.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả A-nan:

–Những lỗ chân lông của chúng tôi cũng xuất ra hơi thơm ấy.

Tôn giả A-nan nói:

–Hơi thơm ấy từ đâu mà có?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Ấy là Trưởng giả Duy-ma đã xin cơm thừa của Đức Phật ở thế giới Chúng hương mà mời mọi người có mặt nơi phòng trưởng giả đều được ăn, nên lỗ chân lông của ai cũng xuất ra hơi thơm như vậy.

Tôn giả A-nan hỏi Trưởng giả Duy-ma:

–Hơi thơm này tồn tại bao lâu?

Trưởng giả thưa:

–Tồn tại đến khi cơm tiêu hết.

–Cơm này tồn tại bao lâu?

–Cơm này tồn tại đến bảy ngày mới tiêu. Lại nữa, thưa Tôn giả A-nan, hàng

Thanh văn chưa nhập chính vị, ăn cơm này thì nhập chính vị mới tiêu. Nhập chính vị rồi, ăn cơm này thì đạt tâm giải thoát mới tiêu. Chưa phát tâm Đại thừa, ăn cơm này thì phát tâm ấy mới tiêu. Phát tâm ấy rồi, ăn cơm này thì được pháp Nhẫn vô sinh mới tiêu. Được pháp Nhẫn vô sinh rồi, ăn cơm này thì được quả vị một đời nữa làm Phật mới tiêu. Tựa như có thần dược tên là Thượng vị, ai dùng thì chất độc trong người tiêu hết, thần dược ấy mới tiêu. Cơm này cũng vậy, trừ hết chất độc phiền não mới tiêu.

Tôn giả A-nan thưa với Phật:

–Thật là chưa từng có! Bạch Thế Tôn! Cơm này mà làm được việc Phật làm như thế.

Phật dạy Tôn giả A-nan:

–Đúng như vậy, A-nan. Có thể giới lấy ánh sáng của Phật mà làm việc Phật. Có thể giới lấy Bồ-tát mà làm việc Phật. Có thể giới lấy người Phật hóa ra mà làm việc Phật. Có thể giới lấy cây Bồ-đề mà làm việc Phật. Có thể giới lấy y phục hay đồ nằm của Phật mà làm việc Phật. Có thể giới lấy cơm ăn mà làm việc Phật. Có thể giới lấy vườn rừng, lầu đài mà làm việc Phật. Có thể giới lấy ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp mà làm việc Phật. Có thể giới lấy thân Phật mà làm việc Phật. Có thể giới lấy sự trống không mà làm việc Phật. Chúng sinh thích ứng với những duyên tố trên đây mà được vào chánh pháp. Có thể giới lấy chiêm bao, ảo thuật, hình ảnh, tiếng vang, bóng trong gương, trăng dưới nước, sóng nắng, những ví dụ như thế mà làm việc Phật. Có thể giới lấy âm thanh, ngôn ngữ, văn tự mà làm việc Phật. Có thể giới trong sạch lấy sự vắng lặng, không nói năng, không chỉ bảo, không bày biện mà làm việc Phật. Như thế đấy, A-nan, chư Phật cử động tới ngừng, mọi việc toàn là việc Phật. A-nan, quân ma có bốn loại, phiền não có tám mươi bốn ngàn thứ, chúng sinh vì thế mà khổ đốn, còn chư Phật thì lấy chính những thứ ấy mà làm việc Phật.

Và như thế đó gọi là nhập được pháp môn của Phật. Bồ-tát nhập được pháp môn này thì thấy mọi thế giới trong sáng không mừng, không ham, không tự cao, thấy mọi thế giới như bản không lo, không ngại, không thoái lui. Đối với chư Phật, hãy sinh tâm thanh tịnh, hoan hỷ, tôn kính, thấy rất hiếm có. Chư Phật thì phẩm chất bình đẳng, chỉ vì giáo hóa chúng sinh mà hiện ra thế giới khác nhau. A-nan, Tôn giả thấy đó, thế giới của chư Phật, đất có giới hạn mà hư không đâu có giới hạn, sắc thân của chư Phật cũng vậy, sắc thân ấy có giới hạn mà tuệ giác vô ngại đâu có giới hạn. A-nan, tất cả những gì của chư Phật, như sắc thân, uy đức, tướng hảo, chủng tộc, giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, Lực, Vô úy, pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi, uy nghi, việc làm, đời sống, thuyết pháp, giáo hóa, thành tựu cho chúng sinh, làm sạch thế giới, tất cả phẩm chất của Phật toàn hảo như vậy đồng đẳng hết thảy, nên tôn xưng là Đấng Chánh Biến Tri, Đấng Như Lai, Đấng Giác Giả. A-nan, nếu Như Lai giảng nói rộng rãi về ba đức hiệu ấy, thì Tôn giả đem sự sống lâu cả một kiếp cũng không thể tiếp nhận trọn vẹn. Giả sử chúng sinh cả đại thiên thế giới này đều như Tôn giả, đa văn bậc nhất, được Tổng trì về ký ức, chúng sinh như thế đem sự sống lâu cả một kiếp cũng không thể tiếp nhận cho hết. A-nan, tuệ giác của Phật không có giới hạn, hùng biện của Phật là không thể nghĩ bàn.

Tôn giả A-nan thưa với Phật:

–Từ nay sắp đi, con không dám tự gọi là đa văn nữa.

Phật nói:

–Tôn giả đừng có cái ý thức thoái lui ấy. Tạo sao, vì Như Lai nói Tôn giả đa văn hơn hết trong hàng Thanh văn, đâu có nói trong hàng Bồ-tát. Thôi, hãy ngừng lại ở đây,

A-nan, những người có trí thì không nên có một nhận thức giới hạn nào về các vị Bồ-tát. Đại dương sâu thẳm còn có thể ước lượng được, còn thiền định, trí tuệ, Tổng trì, hùng biện, tất cả phẩm chất này của Bồ-tát thì không thể lường nổi. A-nan, các người hãy gác lại việc làm của Bồ-tát. Vì Trưởng giả Duy-ma nhất thời thị hiện thần lực mà hàng Thanh văn, Duyên giác tận lực biến hóa trong năm ngàn kiếp cũng không thể làm được.

Lúc ấy, các vị Bồ-tát đến từ thế giới Chúng hương, chấp tay thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con mới thấy thế giới này thì cho là thấp kém, bây giờ tự hối, xin từ bỏ tư tưởng ấy. Tạo sao, vì phước tiện của chư Phật thật là chẳng thể nghĩ bàn, để độ chúng sinh nên hiện ra thế giới thích ứng khác nhau. Dạ, kính bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn ban cho chúng con chút ít huấn dụ, để khi về thế giới của mình chúng con nhớ mãi về Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn dạy:

–Bồ-tát có một pháp môn giải thoát tên là Hết và Không hết, các vị nên tu học. Hết là hữu vi. Không hết là vô vi. Mà Bồ-tát thì không hết hữu vi, không ở vô vi.

Không hết hữu vi là thế nào? Là không rời đại Từ. Không bỏ đại Bi. Phát khởi sâu xa tâm cầu nhất thế trí mà không bao giờ bỗng chốc bị quên mất. Giáo hóa chúng sinh không bao giờ mỗi mệt. Thường nhớ và làm theo bốn thứ nhiếp pháp. Không tiếc tính mạng mà giữ gìn chánh pháp. Không biết chán mệt trong việc gieo trồng các gốc rễ pháp thiện. Chí nguyện thường ở trong phước tiện hồi hướng. Cầu pháp không khác. Thuyết pháp không lẫn. Nỗ lực phụng sự chư Phật. Vào trong sinh tử mà không sợ. Vinh nhục không làm cho mừng lo. Không khinh những người tu học chưa thấu đáo. Kính trọng những người tu học như kính trọng Phật. Ai sa vào phiền não thì làm cho họ có chánh niệm. Không quý trọng cái vui xa lìa. Không ham cái vui của mình. Vui mừng cái vui của người. Ở trong thiền định thấy như ở trong địa ngục. Ở trong sinh tử thấy như du ngoạn hoa viên. Thấy ai đến cầu xin thì coi như bậc thầy tốt. Xả bỏ tất cả, vì có đủ ý tưởng về nhất thế trí. Thấy người phạm giới thì sinh tâm cứu vớt, giữ gìn. Đối với sáu Độ thì có ý tưởng là cha mẹ. Đối với giác phần thì có ý tưởng là bà con. Thật hành pháp thiện không có giới hạn nào cả. Dem những sự trang nghiêm của các tịnh độ làm thành quốc độ của mình. Thật hành bố thí vô hạn. Tướng hảo hoàn bị. Tẩy trừ điều ác, làm sạch thân, miệng, ý. Sống chết vô số kiếp mà ý chí vẫn dững mãi. Nghe nói công đức vô lượng của Phật mà chí nguyện không mệt mỏi. Dẹp giặc phiền não bằng kiếm báu trí tuệ. Siêu thoát uẩn xứ giới. Gánh vác chúng sinh, vĩnh viễn làm cho họ giải thoát. Trấn áp quân ma bằng sự đại tinh tấn. Thường cầu sự không phân biệt, trí tuệ hội nhập thật tướng. Thật hành ít ham muốn và biết vừa đủ mà không xả bỏ việc đời. Không thiếu sót uy nghi mà tùy thuận việc thế gian. Sử dụng tuệ giác thần lực mà dẫn dắt chúng sinh. Được Tổng trì về ký ức, nghe thì không quên. Khéo biết về trình độ, loại bỏ hoài nghi cho chúng sinh. Dem tài hùng biện mà thuyết pháp vô ngại. Làm sạch mười nghiệp thiện mà chấp nhận phước báo trong chư Thiên nhân loại. Thực hành bốn Tâm vô lượng mà mở đường Phạm thiên. Khuyến thỉnh thuyết pháp, tùy hỷ tán dương, được âm thanh của Phật. Thân, miệng, ý hoàn thiện, được uy nghi của Phật. Tu hành sâu xa các loại pháp thiện. Tu hành chuyển tới hơn lên. Dem giáo lý Đại thừa mà tác thành cho Bồ-tát Tăng. Tâm không phóng dật, không mất pháp thiện. Hành trì như vậy gọi là Bồ-tát không hết hữu vi.

Không ở vô vi là thế nào? Là tu học về không mà không lấy, không thực hiện chứng đắc. Tu học về vô tướng, vô tác mà không lấy vô tướng, vô tác làm chứng đắc.

Tu học sự không phát khởi mà không lấy sự không phát khởi làm chứng đắc. Quan sát sự vô thường mà không chán điều thiện. Quan sát sự đau khổ mà không ác cảm với sinh tử. Quan sát sự vô ngã mà huấn dụ cho người không mệt. Quan sát sự dứt bật mà không vĩnh viễn dứt bật. Quan sát sự xa lìa mà cả thân và tâm đều làm điều thiện. Quan sát không có chốn quy về mà quy hướng về pháp thiện. Quan sát sự vô sinh mà đem sự sinh gánh vác chúng sinh. Quan sát sự vô lậu mà không đoạn tuyệt các lậu. Quan sát sự không làm mà làm theo các pháp giáo hóa muôn loài. Quan sát về Không mà không bỏ đại Bi. Quan sát chính vị mà không tùy theo tiểu thừa. Quan sát các pháp hư dối, không chắc, không sinh thể, không chủ thể, không khái niệm, vậy mà bản nguyện chưa viên mãn thì luôn tỏ ra chắc thật đối với phước đức, thiên định, trí tuệ. Hành trì như vậy gọi là Bồ-tát không ở vô vi.

Thêm nữa, đủ phước đức thì không ở vô vi, đủ trí tuệ thì không hết hữu vi. Từ bi vĩ đại nên không ở vô vi, bản nguyện viên mãn nên không hết hữu vi. Tập hợp được phẩm chánh pháp nên không ở vô vi, tùy bệnh mà cho được phẩm ấy nên không hết hữu vi. Biết bệnh chúng sinh nên không ở vô vi, diệt bệnh chúng sinh nên không hết hữu vi. Các vị Bồ-tát, chánh sĩ hành trì như vậy, không hết hữu vi, không ở vô vi, gọi là pháp môn giải thoát Hết và Không hết. Các vị hãy tu học pháp môn giải thoát ấy.

Lúc này, các vị Bồ-tát của thế giới Chúng hương nghe được pháp môn ấy thì đều hết sức hoan hỷ. Các vị đem hoa quý với bao nhiêu màu sắc và hương thơm tung rải khắp đại thiên thế giới, hiến cúng Đức Thế Tôn, hiến cúng kinh này và hiến cúng các vị Bồ-tát. Xong rồi, các vị ấy lay ngang chân Đức Thế Tôn, tán thán chưa từng có, nói:

–Đức Thế Tôn Thích-ca đã có thể thực hiện được phương tiện khéo léo như vậy, tại thế giới này.

Nói rồi biến mất, trở về thế giới Chúng hương của các vị ấy.

12. Nhìn Phật Bất động.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn hỏi Trưởng giả Duy-ma:

–Trưởng giả muốn thấy Như Lai, mà thấy Như Lai bằng cách nào?

Trưởng giả thưa:

–Con nhìn thấy thật tướng của thân con thế nào thì nhìn thấy Đức Thế Tôn cũng y như vậy. Con nhìn thấy Đức Thế Tôn trước không đến, sau không đi, hiện không đứng. Con không nhìn thấy sắc, chân như cửa sắc, tánh của sắc, không nhìn thấy thọ, tưởng, hành, thức, chân như cửa thức, tánh của thức. Không phát sinh từ bốn đại chủng. Đồng đẳng không gian. Sáu quan năng không dồn chứa. Đã siêu việt sáu quan năng. Không ở trong ba cõi. Thoát ly ba thứ dơ bẩn. Thuận theo ba cửa giải thoát. Ba minh trí toàn hảo. Đồng đẳng vô minh. Không đồng nhất, không mâu thuẫn, không chủ thể, không khách thể. Không phải khái niệm không, không phải khái niệm chấp thủ. Không ở bờ bên này, không ở bờ bên kia, không ở giữa dòng, vậy mà hóa độ chúng sinh. Quan sát tịch diệt mà không vĩnh diệt. Không phải cái này, không phải cái kia, không lấy cái này, không lấy cái kia. Không phải nhận biết bằng trí, không phải nhận biết bằng thức. Không tối, không sáng. Không tên, không tướng. Không mạnh, không yếu. Không sạch, không dơ. Không thuộc phương hướng, không tách phương hướng. Không phải hữu vi, không phải vô vi. Không chỉ rõ, không phô diễn. Không phải bố thí hay keo kiệt. Không phải trì giới hay phạm giới. Không phải nhẫn nhục hay sân hận. Không phải tinh tấn hay biếng nhác. Không phải định ý hay loạn động. Không phải trí tuệ hay ngu si. Không thật, không dối. Không đến, không đi. Không ra, không vào. Tất cả nẻo nói năng đều bị cắt đứt. Không

phải ruộng phước hay phi ruộng phước. Không phải thích ứng hiển cúng hay phi thích ứng hiển cúng. Không lấy, không bỏ. Không có, không không. Đồng đẳng với chân tế, bình đẳng với pháp tánh. Không thể cân, không thể lường, vượt quá mọi sự cân lường. Không lớn, không nhỏ. Không thấy, không nghe. Không hay, không biết. Thoát ly mọi kết buộc. Đồng đẳng với trí giác. Bình đẳng nơi chúng sinh. Với các pháp thì không phân biệt. Không đánh mất, không dơ bẩn, không bức tức, không thao tác, không phát động, không phát sinh, không hủy diệt, không e sợ, không lo buồn, không vui mừng, không chán nản. Không đã có, không sẽ có, không đang có. Không thể phân biệt, biểu thị bằng mọi thứ ngôn ngữ. Bạch Thế Tôn! Thân thể của Ngài là như vậy. Nên nhìn thấy như vậy. Nhìn thấy như vậy là nhìn chính xác, nhìn thấy khác đi là nhìn sai lầm.

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Trưởng giả Duy-ma:

–Trưởng giả chết từ thế giới nào mà sinh đến thế giới này?

Trưởng giả Duy-ma hỏi lại:

–Pháp của Tôn giả được có chết có sinh không?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Không.

Trưởng giả Duy-ma nói:

–Nếu pháp không chết, không sinh thì sao Tôn giả lại hỏi con chết ở đâu sinh đến đây. Thưa Tôn giả! Ý của Tôn giả nghĩ thế nào, nhà ảo thuật biến ra nam nữ, thì có thể gọi nam nữ ấy là chết và sinh không?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Không có chết và sinh gì cả.

–Kính bạch Tôn giả! Tôn giả đã nghe Phật dạy các pháp đều như huyễn ảo chẳng?

–Tôi nghe đúng như thế.

–Vậy, các pháp như huyễn ảo thì sao Tôn giả lại hỏi con chết ở đâu sinh đến đây. Kính bạch Tôn giả! Chết là hủy hoại một cách hư giả, sinh là liên tục một cách hư giả. Bồ-tát chết mà không chết gốc lành, sinh mà không sinh rễ ác.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Có một thế giới tên là Diệu hỷ, Đức Phật giáo chủ hiệu là Vô Động. Trưởng giả Duy-ma mất ở thế giới ấy mà sinh đến thế giới này.

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

–Thật là chưa từng có! Bạch Thế Tôn! Vị trưởng giả này bỏ được thế giới thanh tịnh mà sinh đến thế giới có nhiều oán hại này.

Trưởng giả Duy-ma nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Tôn giả nghĩ thế nào, khi ánh sáng mặt trời xuất hiện thì có ăn nhập với bóng tối không?

–Không, ánh sáng xuất hiện thì bóng tối không còn.

–Mặt trời vì sao vận hành ở đại lục Diêm-phù?

–Vì muốn chiếu ánh sáng trừ bóng tối.

–Bồ-tát cũng vậy, tuy sinh ở thế giới uế trước để giáo hóa chúng sinh, hủy diệt phiền não, ám chướng cho chúng sinh, chứ không phải ăn nhập với ám chướng.

Bấy giờ, đại hội khao khát muốn được thấy thế giới Diệu hỷ, thấy Đức Như Lai Vô Động, thấy chúng Bồ-tát và Thanh văn của thế giới ấy. Đức Thế Tôn biết ý nghĩ của đại hội, nên bảo Trưởng giả Duy-ma:

–Đại sĩ, hãy hiển thị cho đại hội này về thế giới Diệu hỷ, về Đức Như Lai Vô

Động, về chúng Bồ-tát và Thanh văn của thế giới ấy. Đại hội này ai cũng muốn được nhìn thấy.

Trưởng giả Duy-ma suy nghĩ: “Mình đừng đứng dậy khỏi chỗ ngồi ở đây mà tiếp nhận thế giới Diệu hỷ, bao gồm Thiết vi, núi sông, khe hang, ghềnh thác, biển cả, suối nguồn, Tu-di, thái dương, nguyệt cầu, tinh tú, chư Thiên, chúng rồng, chúng quỷ, chúng thần, cung điện Phạm thiên...; bao gồm Bồ-tát, Thanh văn, thành thị, thôn xóm, nam nữ, lớn nhỏ; đến cả Đức Như Lai Vô Động và cây Bồ-đề, những hoa sen quý, tất cả những gì có thể làm việc Phật bất cứ ở đâu. Có ba đường cấp từ Diêm-phù đến Đao-lợi. Do các đường cấp ấy mà chư Thiên xuống lễ bái Đức Như Lai Vô Động, nghe và tiếp nhận kinh pháp Ngài nói. Người Diêm-phù cũng đi bằng đường cấp ấy mà lên đến Đao-lợi, thấy hàng chư Thiên. Thế giới Diệu hỷ hoàn thành tất cả thành quả như vậy. Trên đến Hữu đỉnh, dưới đến thủy luân, ta hãy dùng tay phải ngắt lấy, rồi như cái vòng của người thợ gốm, ta đem nhập vào thế giới này. Ta hãy làm như cầm vòng hoa mà hiển thị cho đại hội.” Trưởng giả Duy-ma nghĩ như vậy rồi nhập chánh định, hiện thần lực, dùng tay phải ngắt lấy thế giới Diệu hỷ để vào thế giới này. Những vị Bồ-tát, Thanh văn và chư Thiên có thần thông thì cùng nói: “Dạ, bạch Thế Tôn! Ai lấy chúng con đem đi, xin Thế Tôn cứu cho.”

Đức Như Lai Vô Động nói: “Không phải Như Lai làm, mà làm việc này là thần lực của Trưởng giả Duy-ma.”

Những người chưa được thần thông thì không hay biết mình đi đến đâu. Thế giới Diệu hỷ tuy nhập vào thế giới này mà thế giới này không thêm không bớt, cũng không dồn ép. Thế giới này vẫn nguyên trạng, không có gì khác lạ.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn Thích-ca bảo cả đại hội:

–Các vị hãy nhìn Đức Như Lai Vô Động của thế giới Diệu hỷ, nhìn thế giới tráng lệ, Bồ-tát tịnh hạnh và Thanh văn thanh bạch của Ngài không?

Cả đại hội đều nói:

–Dạ, chúng con đã nhìn thấy.

Đức Thế Tôn Thích-ca lại nói:

–Nếu Bồ-tát muốn được thế giới thanh tịnh như vậy thì phải tu học theo đường đi của Đức Như Lai Vô Động.

Khi thế giới Diệu hỷ hiện ra thế giới Sa-bà này thì có mười bốn na-do-tha người phát tâm Bồ-đề vô thượng, cùng nguyện sinh về thế giới Diệu hỷ. Đức Thế Tôn Thích-ca liền thọ ký:

–Các người sẽ được sinh về đó.

Thế giới Diệu hỷ ở thế giới Sa-bà này làm những sự lợi ích đáng làm rồi thì trở về chỗ cũ. Đại hội ai cũng thấy như vậy.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Tôn giả nhìn thấy thế giới Diệu hỷ và Đức Như Lai Vô Động rồi phải không?

–Dạ phải, con đã nhìn thấy. Bạch Thế Tôn! Con nguyện cho chúng sinh đều được cõi tịnh như Đức Như Lai Vô Động, đều được thần lực như Trưởng giả Duy-ma. Bạch Thế Tôn! Chúng con được thiện lợi mới gặp người như vậy mà thân gần tôn kính. Chúng sinh có ai, hoặc bây giờ, hoặc sau khi Đức Thế Tôn nhập diệt, mà được nghe kinh pháp này thì cũng là đã được thiện lợi, hưởng chi nghe rồi tin hiểu, tiếp nhận, ghi nhớ, nghiên cứu, thuộc lòng, giải thích, làm đúng. Nếu tay ai cầm được cuốn kinh này thì thế là đã cầm được kho tàng pháp bảo. Ai nghiên cứu, thuộc lòng, giải thích, làm đúng, thì thế là

đã được chư Phật hộ trì, nghĩ nhớ. Ai hiến cúng những người như vậy thì nên biết thế là hiến cúng Đức Thế Tôn. Ai sao chép, gìn giữ kinh này thì thế là nhà họ có Phật. Ai nghe kinh này mà tùy hỷ thì thế là đạt được trí tuệ toàn giác. Ai tinh hiểu kinh này, dầu một bài chỉn cú bốn câu mà thôi, rồi loan báo và giải thích cho người, thì người ấy đã được thọ ký đạo quả Bồ-đề vô thượng.

13. Hiến cúng bằng Pháp.

Bấy giờ, từ trong đại hội, Đế Thích thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tuy con từ Đức Thế Tôn và Đại sĩ Văn-thù nghe đến hàng trăm hàng ngàn kinh điển, nhưng chưa hề nghe được kinh điển nói về thần lực siêu việt và thật tướng quyết định như thế này. Theo chỗ con hiểu ý hướng của Đức Thế Tôn, nếu có chúng sinh nào nghe được kinh điển ấy, tin hiểu, tiếp nhận, ghi nhớ, nghiên cứu, thuộc lòng, thì chắc chắn được pháp thật tướng quyết định mà không còn nghi ngờ gì nữa, huống chi còn làm đúng theo kinh dạy. Người như vậy thì đóng nẻo đường ác, mở cửa đường thiện, thường được chư Phật hộ trì, chiến thắng ngoại đạo, trấn áp quân ma, tu luyện tuệ giác, ở yên đạo tràng, đi theo dấu đi của Đức Thế Tôn. Bạch Thế Tôn! Nếu ai tiếp nhận, ghi nhớ, nghiên cứu, thuộc lòng, làm đúng kinh dạy, thì con và tùy thuộc của con xin hiến cúng, cung phụng. Bất cứ thôn xóm, thành thị, núi rừng, đồng nội, chỗ nào có kinh điển này, thì con và tùy thuộc của con vì nghe pháp mà đến chỗ ấy. Rồi ai chưa tin thì con giúp cho họ tin tưởng, ai tin rồi thì con giữ gìn cho họ.

Đức Thế Tôn nói:

–Tốt lắm, Đế Thích, tốt lắm, đúng như ông nói; Như Lai tùy hỷ với ông. Kinh điển này diễn nói một cách phong phú về Bồ-đề vô thượng là tuệ giác chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật quá khứ vị lai và hiện tại. Do vậy, Đế Thích, thiện nam hay thiện nữ nào tiếp nhận, ghi nhớ, nghiên cứu, thuộc lòng, hiến cúng kinh điển này, thì thế là hiến cúng chư Phật cả ba thời gian.

Đế Thích, giả sử chư Phật đầy cả đại thiên thế giới như mía, tre, lau, lúa, mè, rừng, rú. Nếu có thiện nam hay thiện nữ nào, hoặc một kiếp, hoặc dưới một kiếp, cung kính tôn trọng, tán dương hiến cúng chư Phật ấy, cung phụng những thứ để sống yên ổn. Khi chư Phật ấy nhập diệt, thì đem toàn thân xá-lợi của mỗi Ngài mà dựng những ngôi tháp bằng bảy chất liệu quý báu, chu vi bằng một đại lục của nhân loại, cao đến Phạm thiên, trụ biểu tráng lệ. Dùng mọi thứ hoa, hương, vòng hoa, cờ, phướn, âm nhạc, tất cả đều tinh tế bậc nhất, hiến cúng một kiếp hay dưới một kiếp. Đế Thích, ý ông nghĩ thế nào, người ấy gieo trồng phước đức như vậy nhiều không?

Đế Thích thưa:

–Nhiều lắm, bạch Thế Tôn! Phước đức của người ấy nói cả trăm ngàn ức kiếp cũng không hết được.

Đức Thế Tôn nói:

–Đế Thích, ông nên biết thiện nam hay thiện nữ nào nghe kinh điển nói về sự giải thoát chẳng thể nghĩ bàn này, nghe rồi tin hiểu, tiếp nhận, ghi nhớ, nghiên cứu, thuộc lòng, làm đúng, thì phước của họ hơn phước của người trước. Tại sao như vậy, vì tuệ giác Bồ-đề của chư Phật đều xuất phát từ kinh điển này; tuệ giác Bồ-đề vô hạn thì phước đức của người ấy cũng vô hạn.

Đức Thế Tôn dạy Đế Thích:

–Vô số kiếp về quá khứ, bấy giờ có Đức Phật tên là Dược Vương gồm đủ tôn hiệu: bậc Đến như chư Phật, bậc Thích ứng hiến cúng, bậc Biết đúng và khắp, bậc Hoàn hảo

sự sáng tạo, bậc Khéo qua Niết-bàn, bậc Lý giải vũ trụ, bậc Không ai trên nữa, bậc Thuần hóa mọi người, bậc Thầy cả trời người, bậc Tuệ giác hoàn toàn, bậc Tôn cao nhất đời. Thế giới của Ngài tên là Đại trang nghiêm, thời kỳ của Ngài tên là Trang nghiêm. Ngài sống lâu hai mươi tiểu kiếp. Tầng Thanh văn của Ngài có ba mươi sáu ức na-do-tha. Tầng Bồ-tát của Ngài có mười hai ức. Đế Thích, bấy giờ có vị Luân vương tên là Bảo Cái, đủ bảy thứ quý báu, thống trị cả bốn đại lục nhân loại. Luân vương có một ngàn người con, đẹp, khỏe, khả năng chiến thắng mọi kẻ thù nghịch. Luân vương Bảo Cái cùng thân quyến hiến cúng Đức Như Lai Dược Vương, cung phụng mọi sự để sống yên ổn, tròn đầy năm kiếp như vậy. Qua thời gian ấy, Luân vương Bảo Cái nói với một ngàn người con: “Các con hãy như ta, đem tâm trí sâu xa hiến cúng Đức Thế Tôn.” Cả ngàn người con vâng mạng phụ vương, hiến cúng Đức Dược Vương tròn đầy năm kiếp, tất cả yên ổn. Trong số ngàn người con, có một vương tử tên là Nguyệt Cái, ngồi nghĩ một mình, xem có cách gì hiến cúng hơn nữa. Do thần lực của Đức Dược Vương, trong không gian có thiên nhân bảo: “Thiện nam, hiến cúng bằng chánh pháp thì hơn hết mọi sự cúng.” Vương tử Nguyệt cái tức thì hỏi: “Hiến cúng bằng chánh pháp là thế nào?” Thiên nhân nói: “Vương tử nên đến hỏi Đức Như Lai Dược Vương. Ngài sẽ dạy đầy đủ cho vương tử về sự hiến cúng bằng chánh pháp.” Vương tử Nguyệt Cái liền đến chỗ Đức Như Lai Dược Vương, lạy ngang chân, rồi đứng qua một phía, thưa: “Bạch Thế Tôn! Trong mọi sự hiến cúng, sự hiến cúng bằng chánh pháp là hơn cả, vậy hiến cúng bằng chánh pháp là thế nào? Đức Như Lai Dược Vương dạy: “Thiện nam, hiến cúng bằng chánh pháp là kinh pháp sâu xa của Như Lai thuyết ra, thế giới khó tin khó nhận, tính tế khó thấy, trong sáng không bản, không phải chỉ có tư duy phân biệt mà có thể thủ đắc. Kinh pháp ấy thuộc về kho tàng chánh pháp của Bồ-tát. Kinh pháp ấy được khuôn dấu Tổng trì ấn chứng, đưa đến quả vị Không còn thoái chuyển, hoàn thành sáu Độ, khéo phân biệt nghĩa, thuận pháp Bồ-đề, đứng trên các kinh. Kinh pháp ấy làm cho nhập vào đại Từ bi, xa quân ma, khử tà kiến, thuận theo đạo lý duyên khởi chứ không chấp bản ngã, không chấp linh hồn, không chấp sinh thể, không chấp sinh mạng, phù hợp với không, không tướng, không tác, không khởi. Kinh pháp ấy làm cho chúng sinh ngồi nơi đạo tràng, chuyển pháp luân, chư Thiên, Long, Thần đều tán dương, khen ngợi. Kinh pháp ấy làm cho chúng sinh nhập vào kho tàng pháp Phật, thấu tóm trí tuệ của Hiền thánh, thuyết minh đường đi của Bồ-tát. Kinh pháp ấy căn cứ vào thật tướng của các pháp mà nói rõ về vô thường, đau khổ, thật ngã, không ngã, dứt bật, cứu được chúng sinh phá giới. Quân ma, ngoại đạo và những kẻ tham đắm, đều khiến phải sợ hãi, còn chư Phật, Hiền thánh thì ai cũng tán dương. Kinh pháp ấy chống khổ sinh tử, chỉ vui Niết-bàn, do chư Phật trong mười phương ba đời giảng nói. Nếu nghe được kinh pháp như vậy mà tin hiểu, tiếp nhận, ghi nhớ, nghiên cứu, thuộc lòng, dùng sức của phương tiện mà phân tích, giải thích, mở bày chỉ rõ và giữ gìn cho chúng sinh, như thế gọi là hiến cúng bằng chánh pháp. Lại nữa, đối với các pháp hãy thực tu đúng như lời dạy. Hãy thích hợp mười hai duyên khởi mà tách rời tà kiến, được Nhẫn vô sinh. Quyết định không bản ngã, không sinh thể, nhưng đối với quả báo duyên khởi thì không chống đối, không tranh biện, tách rời mọi thứ sở hữu của bản ngã. Y theo nghĩa mà không y theo lời, y theo trí mà không y theo thức, y theo kinh liễu nghĩa mà không y theo kinh không liễu nghĩa, y theo pháp mà không y theo người. Thuận với thật tướng của các pháp, không có đối tượng được hội nhập, quy hướng hội nhập. Vô minh hủy diệt triệt để nên các hành cũng hủy diệt triệt để, cho đến sinh hủy diệt triệt để nên lão tử cũng hủy diệt

triệt để. Hãy quan sát như thế, như vậy duyên khởi không có cùng tận, cũng không có phát khởi, như thế đó gọi là sự hiển cúng bằng chánh pháp tối thượng.”

Đức Thế Tôn bảo Đế Thích:

–Vương tử Nguyệt Cái từ nơi Đức Như Lai Dực Vương nghe pháp như vậy thì được đức nhẫn nhu thuận, tức khắc cởi áo khoác quý báu và đồ trang sức hiển cúng Đức Như Lai Dực Vương, rồi thưa: “Bạch Thế Tôn! Sau khi Thế Tôn nhập diệt, con sẽ làm theo sự hiển cúng chánh pháp mà hộ trì chánh pháp. Nguyện xin Thế Tôn đem uy thần mà thương tưởng xây dựng cho con, làm cho con chiến thắng quân ma, tu hạnh Bồ-tát.” Đức Như Lai Dực Vương biết tâm ý sâu xa của Vương tử Nguyệt Cái, nên thọ ký: “Sau này ông sẽ là thành trì của chánh pháp.”

Đế Thích, bấy giờ Vương tử Nguyệt Cái thấy pháp thanh tịnh, nghe Phật thọ ký, nên đem đức tin mà xuất gia, tu tập pháp thiện. Tinh tấn không bao lâu, Tỳ-kheo Nguyệt Cái được năm Thần thông, đủ đạo Bồ-tát, được Tổng trì, hùng biện bất tận. Sau khi Đức Như Lai Dực Vương nhập diệt, Tỳ-kheo Nguyệt Cái sử dụng thần thông, Tổng trì và hùng biện của mình, trọn vẹn mười tiểu kiếp phân bố pháp luân mà Đức Như Lai Dực Vương đã chuyển. Tỳ-kheo Nguyệt Cái vì gìn giữ chánh pháp mà nỗ lực tinh tấn, nên chính cái thân ấy đã làm cho trăm vạn ức người an trụ nơi Bồ-đề vô thượng không còn thoái chuyển, làm cho mười bốn na-do-tha người phát khởi một cách sâu xa tâm chí Thanh văn, Duyên giác, làm cho vô lượng chúng sinh được sinh vào cảnh giới của chư Thiên.

Đế Thích, Luân vương Bảo Cái lúc ấy có phải ai đâu, chính là vị đã được thành Phật với danh hiệu Như Lai Bảo Diệm. Còn ngàn vương tử là ngàn Đức Phật trong Hiền kiếp, đầu tiên là Đức Ca-la, cuối cùng là Đức Lô-chí. Trong đó, Tỳ-kheo Nguyệt Cái chính là bản thân của Như Lai.

Đế Thích, hãy nhận thức điều cốt yếu đó. Rằng trong mọi sự hiển cúng, hiển cúng chánh pháp mới là tối thượng, mới là bậc nhất, không gì có thể sánh bằng. Do vậy, Đế Thích, hãy đem sự hiển cúng chánh pháp mà hiển cúng Như Lai.

14. Ký thác Từ tôn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với Đại sĩ Di-lặc:

–Như Lai ngày nay đem pháp Bồ-đề vô thượng đã tập hợp trong vô số kiếp mà ký thác cho Đại sĩ. Kinh pháp như thế này, sau khi Như Lai nhập diệt, vào thời kỳ cuối cùng của pháp Phật, Đại sĩ hãy vận dụng thần lực mà lưu hành tại đại lục Diêm-phù, đừng để mất đi. Trong thời kỳ sau này, sẽ có thiện nam, thiện nữ, có thiên, long, quỷ thần, có Càn-thát-bà, La-sát..., phát tâm Bồ-đề vô thượng, ưa thích kinh pháp vĩ đại. Nếu để cho họ không nghe được kinh pháp như thế này thì họ mất lợi ích tốt đẹp. Nếu họ nghe được kinh pháp như thế thì chắc chắn tin tưởng và thích thú nhiều lắm, phát tâm hiếm có, đem đỉnh đầu của mình mà tiếp nhận, rồi tùy người thích ứng ích lợi như thế nào mà giảng giải phong phú. Đại sĩ Di-lặc! Nên nhận thức Bồ-tát có hai sắc thái. Sắc thái thứ nhất là ưa thích văn từ hay ho. Sắc thái thứ hai là không e ngại ý nghĩa sâu xa mà lại chính xác hội nhập. Ưa thích văn từ sâu xa là Bồ-tát mới tu học. Một cách không e ngại, nhập vào kinh pháp sâu xa và không nhiễm chấp như thế này, nghe rồi thì tâm trí thanh tịnh, tiếp nhận, ghi nhớ, nghiên cứu, thuộc lòng, làm đúng kinh dạy, thì nên nhận thức họ là Bồ-tát tu học đã lâu. Đại sĩ Di-lặc! Lại có hai điều nữa gọi là người mới tu học, không thể quyết định đối với kinh pháp sâu xa này. Ấy là một, đối với kinh pháp sâu xa này, chưa nghe thì nghe rồi thì kinh hoảng, hoài nghi, không thể thuận theo, phải

báng, không tin và phát ngôn kinh pháp này tôi chưa nghe nói đến bao giờ, từ đâu mà có ra đây. Hai, gặp người hộ trì và giải thích kinh pháp sâu xa này thì không những không chịu thân gần, tôn kính, phụng sự, mà có khi còn công kích. Có hai điều như vậy thì biết đó là Bồ-tát mới tu học, tự làm thương tổn, không thể thuần hóa tâm mình trong kinh pháp sâu xa này. Đại sĩ Di-lặc! Lại có hai điều nữa, Bồ-tát tuy tin hiểu kinh pháp sâu xa này mà vẫn tự làm thương tổn, không thể thực hiện pháp Nhẫn vô sinh. Hai điều ấy, một là khinh dể Bồ-tát mới tu học mà không giảng giải cho họ, hai là tin hiểu kinh pháp sâu xa này mà lại phân biệt, chấp trước.

Đại sĩ Di-lặc nghe Đức Thế Tôn dạy như vậy liền thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thật là chưa từng có! Như Đức Thế Tôn đã huấn dụ, con sẽ tránh xa những điều bất thiện như vậy, kính giữ pháp Bồ-đề vô thượng mà Đức Thế Tôn đã tập hợp trong vô số kiếp. Trong thì vị lai, thiện nam hay thiện nữ nào tìm cầu Đại thừa, thì con sẽ làm cho chính tay của họ có được kinh pháp này. Con sẽ đem lại cho họ sức mạnh kỳ ức, làm cho họ tiếp nhận, ghi nhớ, nghiên cứu, thuộc lòng, loan báo và giải thích rộng rãi. Bạch Thế Tôn! Sau này, trong thời kỳ cuối cùng của pháp Phật, nếu ai có khả năng tiếp nhận, ghi nhớ, nghiên cứu, thuộc lòng, loan báo và giải thích về kinh pháp này, thì nên nhận thức toàn là thần lực của Di-lặc xây dựng.

Đức Thế Tôn nói:

–Tốt lắm, Di-lặc! Như lời Đại sĩ nói, Như Lai tùy hỷ cho Đại sĩ.

Các vị Bồ-tát khác cũng chấp tay thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sau khi Thế Tôn nhập diệt, chúng con cũng xin lưu hành kinh pháp Bồ-đề vô thượng này trong mọi thế giới. Chúng con lại mở mắt đất đường cho những người thuyết pháp có được kinh pháp này.

Lúc ấy, bốn vị Thiên vương cũng thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bất cứ chỗ nào, thành thị hay thôn xóm, núi rừng hay đồng nội, ở đâu có cuốn kinh pháp này, có người nghiên cứu và thuộc lòng, loan báo và giải thích, thì chúng con sẽ huy động thuộc hạ của chúng con, vì nghe pháp mà đến chỗ ấy, hộ trì người ấy, làm cho trong phạm vi một trăm do-tuần, không một ai tìm được cơ hội thuận tiện để tác hại.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Tôn giả hãy tiếp nhận, kính giữ kinh pháp này, lưu hành rộng rãi.

Tôn giả A-nan thưa Phật:

–Dạ, bạch Thế Tôn! Con nguyện tiếp nhận và kính giữ kinh pháp chính yếu này. Bạch Thế Tôn! Kinh pháp chính yếu này tên là gì?

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Kinh pháp chính yếu này tên là Trưởng Giả Duy-ma Tuyên Thuyết, cũng tên là Pháp Môn Giải Thoát Bất Khả Tư Nghì. Tôn giả hãy tiếp nhận và kính giữ như vậy.

Khi Đức Thế Tôn thuyết giảng hoàn tất kinh pháp này, thì Trưởng giả Duy-ma, Đại sĩ Văn-thù, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả A-nan..., cùng với chư Thiên, Nhân loại, Tu-la, tất cả đại hội nghe những điều Đức Thế Tôn tuyên thuyết, ai cũng rất hoan hỷ, tin tưởng, tiếp nhận và phụng hành.

